

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: *Y khoa*

Mã ngành: 7720101

(Kèm theo Quyết định số *1919*../QĐ-NTT ngày *13* tháng *10* năm 202*3*.
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: *Y khoa*
- Tên tiếng Anh: *Medicine*

1.2 Các chuyên ngành (nếu có)

- Chuyên ngành 1: Không
- Chuyên ngành 2: Không

1.3 Trình độ đào tạo: Đại học

1.4 Loại hình đào tạo: Chính quy

1.5 Khóa học áp dụng: Từ khóa 2023

1.6 Thời gian đào tạo (dự kiến): 6 năm

1.7 Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: *Bác sĩ Y khoa*
- Tên tiếng Anh: *Doctor/The Degree of Doctor*

1.8 Định hướng đào tạo: Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

1.9 Đơn vị đào tạo:

- Khoa Y
- Địa chỉ văn phòng: 298A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM

- Điện thoại liên lạc: 028 626 19445 (188)

- Email: khoay.nttu@gmail.com

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

- Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh trình độ Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức 1: xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023 theo tổ hợp môn.

Phương thức 2: xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:

Tổng ĐTB 1 HK lớp 10 + ĐTB 1 HK lớp 11 + ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (*được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học*)

Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.

Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

Phương thức 3: xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TPHCM & Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phương thức 4: xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

(*Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.*)

Tổ hợp xét tuyển:

B00: Toán – Hoá – Sinh

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo (CTĐT), đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (đối với các CTĐT cấp bằng cử nhân);
- Đạt chứng chỉ Tin học văn phòng (MOS) về các nội dung: Word (W), Excel (E) và Powerpoint (P).
- Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề: Không

4. Thang điểm

4.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được nêu tại điểm d) khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10

B: từ 7,0 đến 8,4

C: từ 5,5 đến 6,9

D: từ 4,0 đến 5,4

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo của chương trình (PEOs)

Mục tiêu chung:

Dựa trên chiến lược của nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp”, khoa Y đã đưa ra mục tiêu đào tạo ngành Y khoa.

Đào tạo Bác sĩ y đa khoa có đủ y đức, có kiến thức khoa học đại cương và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức y học và kỹ năng cơ bản về lâm sàng, nắm vững chính sách y tế phục vụ cộng đồng, có trình độ tiếng Anh, tin học tương đối thông thạo, có năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong chẩn đoán và điều trị bệnh.

Mục tiêu cụ thể:

- PEO1 Đào tạo đội ngũ Bác sĩ y khoa có thể làm việc tốt tại các cơ sở y tế, các cơ sở đào tạo y dược, các Viện nghiên cứu và các cơ quan Quản lý ngành khoa học sức khỏe.
- PEO2: Vận dụng tốt kiến thức y học cơ sở, y học lâm sàng trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh phổ biến.
- PEO3: Tuân thủ y đức, có khả năng học tập suốt đời nâng cao trình độ, thực hiện tốt những kỹ thuật từ cơ bản đến chuyên sâu.
- PEO4: Sử dụng ngoại ngữ, tin học trong chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Y khoa có:

Chuẩn đầu ra – PLOs ngành Y khoa		Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện – PPCs	
2.1. Kiến thức			
Kiến thức tổng quát			
PLO1 (K1)	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành Y đa khoa	PPC-K1.1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
		PPC-K1.2	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
		PPC-K1.3	Vận dụng kiến thức công nghệ vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
			Vận dụng kiến thức về chính trị, pháp
		PPC-K1.4	luật và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
PLO2 (K2)	Vận dụng kiến thức các môn khoa học đại cương, y học cơ sở, chính sách dân số, ngoại ngữ, tin học trong lĩnh vực ngành Y đa khoa	PPC-K2.1	Vận dụng kiến thức các môn khoa học đại cương, y học cơ sở, chính sách dân số vào học tập, giải quyết vấn đề của ngành
			Vận dụng kiến thức ngoại ngữ, tin học
		PPC-K2.2	hỗ trợ cho các môn khoa học chuyên ngành

Kiến thức chuyên môn			
PLO3 (K3)	Áp dụng được các kiến thức cơ bản, nguyên tắc điều trị và cách thức giải quyết những bệnh phổ biến trong cộng đồng và một số bệnh cấp cứu theo tiêu chuẩn đa khoa thực hành	PPC-K3.1	Vận dụng các kiến thức cơ sở như hóa học, vật lý, y học cơ sở, kiến thức dược lý, vi sinh,... để hỗ trợ cho kiến thức y học chuyên ngành một cách linh hoạt
		PPC-K3.2	Áp dụng được các nguyên tắc điều trị và cách thức giải quyết những bệnh phổ biến trong cộng đồng và một số bệnh cấp cứu theo tiêu chuẩn đa khoa thực hành
PLO4 (K4)	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong việc hiểu biết sâu sắc hơn đối với các bệnh lý thường gặp và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Y đa khoa	PPC-K4.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để điều trị các bệnh lý thường gặp một cách chính xác
		PPC-K4.2	Vận dụng được các kiến thức về y học trong giáo dục sức khỏe và quản lý các bệnh mạn tính một cách hiệu quả
		PPC-K4.3	Vận dụng được các kiến thức về y học trong nghiên cứu khoa học một cách chủ động
2.2. Kỹ năng			
Kỹ năng tổng quát			
PLO5 (S1)	Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau một cách linh hoạt	PPC-S1.1	Giao tiếp bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện
		PPC-S1.2	Ứng xử với cá nhân, tổ chức liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt văn hóa



		PPC-S2.1	Tổ chức triển khai công việc, phân công trách nhiệm, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc
PLO6 (S2)	Thực hiện sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, tự học	PPC-S2.2	Trao đổi làm việc nhóm, xây dựng và điều hành hoạt động hiệu quả nhóm chuyên môn, liên kết làm việc với các nhóm khác
		PPC-S2.3	Xây dựng khả năng cập nhật những kiến thức y khoa trên thế giới, học và tự học suốt đời
PLO7 (S3)	Vận dụng ngoại ngữ và tin học để cập nhật kiến thức, đọc và hiểu tài liệu chuyên môn	PPC-S3.1	Vận dụng ngoại ngữ để cập nhật kiến thức, đọc và hiểu tài liệu chuyên môn
		PPC-S3.2	Vận dụng tin học để cập nhật kiến thức, đọc và hiểu tài liệu chuyên môn
Kỹ năng chuyên môn			
PLO8 (S4)	Thực hiện được kỹ năng khai thác bệnh sử, khám và phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị trong lĩnh vực y khoa	PPC-S4.1	Kỹ năng khai thác bệnh sử, khám bệnh phát hiện các triệu chứng của bệnh lý một cách chính xác
		PPC-S4.2	Kỹ năng lập luận tư duy, phân tích các triệu chứng lâm sàng và kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị chính xác bệnh lý
PLO9 (S5)	Thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe cộng đồng và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực	PPC-S5.1	Chăm sóc, tư vấn được cho người bệnh trong quá trình điều trị, dự phòng bệnh tật, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng một cách hiệu quả



	Y đa khoa	PPC-S5.2	Thực hiện các nghiên cứu về bệnh lý, vấn đề sức khỏe, ứng dụng nghiên cứu trong thực hành lâm sàng và sự thay đổi mô hình bệnh tật một cách hiệu quả
2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm chung			
PLO10 (A1)	Tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức trong các tình huống kỹ thuật phù hợp với bối cảnh thực tế	PPC-A1.1	Thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức cá nhân trong nghề nghiệp và xã hội, thực hiện tốt 12 điều y đức của ngành y
		PPC-A1.2	Tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp của bản thân đối với cộng đồng. Trung thực, khách quan trong công việc
PLO11 (A2)	Thích ứng với sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời	PPC-A2.1	Xác định năng lực của bản thân trong nhiều bối cảnh nghề nghiệp
		PPC-A2.2	Chủ động tham gia học tập, bồi dưỡng kiến thức để đáp ứng yêu cầu công việc
		PPC-A2.3	Đề ra các ý tưởng khởi nghiệp
PLO12 (A3)	Khiêm tốn, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành	PPC-A3.1	Khiêm tốn, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành
		PPC-A3.2	Hoạt động trung thực, khách quan trong nghề nghiệp và trong nghiên cứu khoa học

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (Program Ideas)

- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của Trường, Khoa/Viện theo từng giai đoạn;
- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến trên cơ sở kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan;
- Chú trọng tính quốc tế hóa trong thiết kế, cải tiến chương trình đào tạo;
- Chương trình đào tạo được Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, Khoa xét duyệt thông qua.

2. Môi liên hệ của các học phần với mục tiêu đào tạo

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%) / tổng tín chỉ
PEO1	Triết học Mác – Lênin	3	17	34	13.9%
	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	2			
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2			
	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
	Pháp luật đại cương	2			
	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	2			
	Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề y tế công cộng	2			
	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	1			
	Dịch tễ học	2			
	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Hóa đại cương	2			
	Lý sinh	2			
	Sinh học và di truyền	2			
	Dân số học	1			
	Sức khỏe và bệnh tật	2			
	Pháp Y	1			
	Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế / Quản lý dự án/ Y học hạt nhân / Công nghệ tế bào gốc	2			
PEO2	Giải phẫu đại cương	2	74	181	73.9%
	Giải phẫu bệnh đại cương	2			
	Mô phôi đại cương	2			
	Vi sinh - ký sinh trùng	3			
	Sinh lý đại cương	2			
	Sinh học tế bào và phân tử	2			
	Hóa sinh đại cương	2			
	Sinh lý bệnh đại cương	2			
	Chẩn đoán hình ảnh	2			
	Dược lý đại cương	2			
	Miễn dịch – dị ứng	2			
	Huyết học và truyền máu cơ sở	2			
	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa	3			
	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa - Thực hành	1			
	Hệ niệu và cân bằng nội mô	3			
	Hệ niệu và cân bằng nội mô - Thực hành	1			



Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Hệ nội tiết và chuyển hóa	2			
	Hệ vận động	3			
	Hệ vận động thực hành	1			
	Hệ thần kinh và hành vi	3			
	Hệ thần kinh và hành vi - Thực hành	1			
	Da và các giác quan	3			
	Da và các giác quan - Thực hành	1			
	Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản	3			
	Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản - Thực hành	1			
	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên	3			
	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên - Thực hành	1			
	Hệ tim mạch	3			
	Hệ tim mạch - Thực hành	1			
	Hệ hô hấp	3			
	Hệ hô hấp - Thực hành	1			
	Điều dưỡng cơ bản	2			
	Kỹ năng y khoa	2			
	Kỹ năng y khoa - Thực hành	2			
	Triệu chứng học nội khoa	2			
	Triệu chứng học nội khoa - Thực hành	2			
	Triệu chứng học ngoại khoa	2			
	Triệu chứng học ngoại khoa - Thực hành	2			
	Nội khoa 1	2			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Nội khoa 1 - Thực hành	6			
	Hồi sức cấp cứu	2			
	Phẫu thuật - Thực hành	2			
	Ngoại khoa 1	2			
	Ngoại khoa 1 - Thực hành	6			
	Nhi 1	2			
	Nhi 1 - Thực hành	6			
	Sản 1	2			
	Sản 1 - Thực hành	6			
	Lão khoa và bệnh tật nguyên	2			
	Truyền nhiễm	2			
	Truyền nhiễm - Thực hành	1			
	Lao	2			
	Thần kinh	2			
	Tâm thần	2			
	Nhãn khoa	2			
	Tai mũi họng	2			
	Răng hàm mặt	2			
	Da liễu	2			
	Gây mê hồi sức	2			
	Ung thư	2			
	Y học cổ truyền	2			
	Phục hồi chức năng	2			
	Ngoại khoa 2	2			
	Ngoại khoa 2 - Thực hành	6			
	Sản 2	2			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Sản 2 - Thực hành	4			
	Nhi 2	2			
	Nhi 2 - Thực hành	4			
	Nội khoa 2	2			
	Nội khoa 2 - Thực hành	6			
	Huyết học và truyền máu	2			
	Nội tiết lâm sàng	2			
	Thực tập cộng đồng	2			
	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	7			
PEO3	Kỹ năng giao tiếp y khoa	3	03	06	2.4%
	Ứng dụng tâm lý đạo đức y học trong NCKH, lâm sàng, cộng đồng/ Y học quốc phòng/ Kỹ năng số và đổi mới	2			
	sáng tạo/ Nhập môn Internet và Elearning				
	Tâm lý và đạo đức y khoa	1			
PEO4	Xác suất thống kê y học	2	08	24	9.8%
	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2			
	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3			
	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3			
	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3			
	Tiếng Anh chuyên ngành 3	3			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 247 tín chỉ (chưa bao gồm GDTC và GDQP – An ninh)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 13 tín chỉ tỷ lệ: 5.3%
- Kiến thức khoa học cơ bản : 31 tín chỉ tỷ lệ: 12.5 %
- Kiến thức chuyên nghiệp : 188 tín chỉ tỷ lệ: 76.1 %
 - + Kiến thức cơ sở ngành : 87 tín chỉ tỷ lệ: 35.2 %
 - + Kiến thức cốt lõi ngành : 101 tín chỉ tỷ lệ: 40.9 %
- Thực tập, trải nghiệm : 08 tín chỉ tỷ lệ: 3.3 %
- Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp : 07 tín chỉ tỷ lệ: 2.8 %

Inventory Report of the Department of Agriculture

Item	Quantity	Unit	Value	Description	Remarks
1	1000	kg	1000.00	Wheat	1000 kg
2	500	kg	500.00	Barley	500 kg
3	200	kg	200.00	Oats	200 kg
4	100	kg	100.00	Rye	100 kg
5	50	kg	50.00	Millet	50 kg
6	25	kg	25.00	Sorghum	25 kg
7	10	kg	10.00	Buckwheat	10 kg
8	5	kg	5.00	Amaranth	5 kg
9	2	kg	2.00	Quinoa	2 kg
10	1	kg	1.00	Flaxseed	1 kg
11	0.5	kg	0.50	Pumpkin seeds	0.5 kg
12	0.2	kg	0.20	Sunflower seeds	0.2 kg
13	0.1	kg	0.10	Alfalfa	0.1 kg
14	0.05	kg	0.05	Timothy	0.05 kg
15	0.02	kg	0.02	Orchard grass	0.02 kg
16	0.01	kg	0.01	Red clover	0.01 kg
17	0.005	kg	0.005	White clover	0.005 kg
18	0.002	kg	0.002	Bluegrass	0.002 kg
19	0.001	kg	0.001	Perennial ryegrass	0.001 kg
20	0.0005	kg	0.0005	St. Louis	0.0005 kg
21	0.0002	kg	0.0002	Kentucky bluegrass	0.0002 kg
22	0.0001	kg	0.0001	Endless blue	0.0001 kg
23	0.00005	kg	0.00005	Prairie blend	0.00005 kg
24	0.00002	kg	0.00002	Native mix	0.00002 kg
25	0.00001	kg	0.00001	Wildflower	0.00001 kg
26	0.000005	kg	0.000005	Native seed	0.000005 kg
27	0.000002	kg	0.000002	Native mix	0.000002 kg
28	0.000001	kg	0.000001	Native seed	0.000001 kg
29	0.0000005	kg	0.0000005	Native mix	0.0000005 kg
30	0.0000002	kg	0.0000002	Native seed	0.0000002 kg
31	0.0000001	kg	0.0000001	Native mix	0.0000001 kg
32	0.00000005	kg	0.00000005	Native seed	0.00000005 kg
33	0.00000002	kg	0.00000002	Native mix	0.00000002 kg
34	0.00000001	kg	0.00000001	Native seed	0.00000001 kg
35	0.000000005	kg	0.000000005	Native mix	0.000000005 kg
36	0.000000002	kg	0.000000002	Native seed	0.000000002 kg
37	0.000000001	kg	0.000000001	Native mix	0.000000001 kg
38	0.0000000005	kg	0.0000000005	Native seed	0.0000000005 kg
39	0.0000000002	kg	0.0000000002	Native mix	0.0000000002 kg
40	0.0000000001	kg	0.0000000001	Native seed	0.0000000001 kg
41	0.00000000005	kg	0.00000000005	Native mix	0.00000000005 kg
42	0.00000000002	kg	0.00000000002	Native seed	0.00000000002 kg
43	0.00000000001	kg	0.00000000001	Native mix	0.00000000001 kg
44	0.000000000005	kg	0.000000000005	Native seed	0.000000000005 kg
45	0.000000000002	kg	0.000000000002	Native mix	0.000000000002 kg
46	0.000000000001	kg	0.000000000001	Native seed	0.000000000001 kg
47	0.0000000000005	kg	0.0000000000005	Native mix	0.0000000000005 kg
48	0.0000000000002	kg	0.0000000000002	Native seed	0.0000000000002 kg
49	0.0000000000001	kg	0.0000000000001	Native mix	0.0000000000001 kg
50	0.00000000000005	kg	0.00000000000005	Native seed	0.00000000000005 kg
51	0.00000000000002	kg	0.00000000000002	Native mix	0.00000000000002 kg
52	0.00000000000001	kg	0.00000000000001	Native seed	0.00000000000001 kg
53	0.000000000000005	kg	0.000000000000005	Native mix	0.000000000000005 kg
54	0.000000000000002	kg	0.000000000000002	Native seed	0.000000000000002 kg
55	0.000000000000001	kg	0.000000000000001	Native mix	0.000000000000001 kg
56	0.0000000000000005	kg	0.0000000000000005	Native seed	0.0000000000000005 kg
57	0.0000000000000002	kg	0.0000000000000002	Native mix	0.0000000000000002 kg
58	0.0000000000000001	kg	0.0000000000000001	Native seed	0.0000000000000001 kg
59	0.00000000000000005	kg	0.00000000000000005	Native mix	0.00000000000000005 kg
60	0.00000000000000002	kg	0.00000000000000002	Native seed	0.00000000000000002 kg
61	0.00000000000000001	kg	0.00000000000000001	Native mix	0.00000000000000001 kg
62	0.000000000000000005	kg	0.000000000000000005	Native seed	0.000000000000000005 kg
63	0.000000000000000002	kg	0.000000000000000002	Native mix	0.000000000000000002 kg
64	0.000000000000000001	kg	0.000000000000000001	Native seed	0.000000000000000001 kg
65	0.0000000000000000005	kg	0.0000000000000000005	Native mix	0.0000000000000000005 kg
66	0.0000000000000000002	kg	0.0000000000000000002	Native seed	0.0000000000000000002 kg
67	0.0000000000000000001	kg	0.0000000000000000001	Native mix	0.0000000000000000001 kg
68	0.00000000000000000005	kg	0.00000000000000000005	Native seed	0.00000000000000000005 kg
69	0.00000000000000000002	kg	0.00000000000000000002	Native mix	0.00000000000000000002 kg
70	0.00000000000000000001	kg	0.00000000000000000001	Native seed	0.00000000000000000001 kg
71	0.000000000000000000005	kg	0.000000000000000000005	Native mix	0.000000000000000000005 kg
72	0.000000000000000000002	kg	0.000000000000000000002	Native seed	0.000000000000000000002 kg
73	0.000000000000000000001	kg	0.000000000000000000001	Native mix	0.000000000000000000001 kg
74	0.0000000000000000000005	kg	0.0000000000000000000005	Native seed	0.0000000000000000000005 kg
75	0.0000000000000000000002	kg	0.0000000000000000000002	Native mix	0.0000000000000000000002 kg
76	0.0000000000000000000001	kg	0.0000000000000000000001	Native seed	0.0000000000000000000001 kg
77	0.00000000000000000000005	kg	0.00000000000000000000005	Native mix	0.00000000000000000000005 kg
78	0.00000000000000000000002	kg	0.00000000000000000000002	Native seed	0.00000000000000000000002 kg
79	0.00000000000000000000001	kg	0.00000000000000000000001	Native mix	0.00000000000000000000001 kg
80	0.000000000000000000000005	kg	0.000000000000000000000005	Native seed	0.000000000000000000000005 kg
81	0.000000000000000000000002	kg	0.000000000000000000000002	Native mix	0.000000000000000000000002 kg
82	0.000000000000000000000001	kg	0.000000000000000000000001	Native seed	0.000000000000000000000001 kg
83	0.0000000000000000000000005	kg	0.0000000000000000000000005	Native mix	0.0000000000000000000000005 kg
84	0.0000000000000000000000002	kg	0.0000000000000000000000002	Native seed	0.0000000000000000000000002 kg
85	0.0000000000000000000000001	kg	0.0000000000000000000000001	Native mix	0.0000000000000000000000001 kg
86	0.00000000000000000000000005	kg	0.00000000000000000000000005	Native seed	0.00000000000000000000000005 kg
87	0.00000000000000000000000002	kg	0.00000000000000000000000002	Native mix	0.00000000000000000000000002 kg
88	0.00000000000000000000000001	kg	0.00000000000000000000000001	Native seed	0.00000000000000000000000001 kg
89	0.000000000000000000000000005	kg	0.000000000000000000000000005	Native mix	0.000000000000000000000000005 kg
90	0.000000000000000000000000002	kg	0.000000000000000000000000002	Native seed	0.000000000000000000000000002 kg
91	0.000000000000000000000000001	kg	0.000000000000000000000000001	Native mix	0.000000000000000000000000001 kg
92	0.0000000000000000000000000005	kg	0.0000000000000000000000000005	Native seed	0.0000000000000000000000000005 kg
93	0.0000000000000000000000000002	kg	0.0000000000000000000000000002	Native mix	0.0000000000000000000000000002 kg
94	0.0000000000000000000000000001	kg	0.0000000000000000000000000001	Native seed	0.0000000000000000000000000001 kg
95	0.00000000000000000000000000005	kg	0.00000000000000000000000000005	Native mix	0.00000000000000000000000000005 kg
96	0.00000000000000000000000000002	kg	0.00000000000000000000000000002	Native seed	0.00000000000000000000000000002 kg
97	0.00000000000000000000000000001	kg	0.00000000000000000000000000001	Native mix	0.00000000000000000000000000001 kg
98	0.000000000000000000000000000005	kg	0.000000000000000000000000000005	Native seed	0.000000000000000000000000000005 kg
99	0.000000000000000000000000000002	kg	0.000000000000000000000000000002	Native mix	0.000000000000000000000000000002 kg
100	0.000000000000000000000000000001	kg	0.000000000000000000000000000001	Native seed	0.000000000000000000000000000001 kg

Total: 1000.00 kg

4. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				13	195	0	390		
1	075580	Triết học Mác – Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	45	0	90		Thuyết giảng/ E-learning	Bài thi tự luận
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	2	30	0	60	075580 (a)	Thuyết giảng/ E-learning	Bài thi tự luận
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific socialism	2	30	0	60	075581 (a)	Thuyết giảng/ E-learning	Bài thi tự luận
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	30	0	60	075582 (a)	Thuyết giảng/ E-learning	Bài thi tự luận
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh’s Ideology	2	30	0	60	075583 (a)	Thuyết giảng/ E-learning	Bài thi tự luận
6	070023	Giáo dục thể chất	Physical and Education	5	15	90	150		Mô phỏng/ Thực hành	Bài thi thực hành
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Defense and Security Education	8	77	72	240		Mô phỏng/ Thực hành	Bài thi thực hành

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
8	070011	Pháp luật đại cương	General Law	2	30	0	60		Thuyết giảng/ E-learning	Bài thi tự luận
II		KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN		31						
		Bắt buộc		29	300	270	810			
1	070245	Xác suất thống kê y học	Biomedical Probability and Statistics	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ
2	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	MOS 1 - Informatics	2	0	60	60		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ
3	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	General English 1 (GE1)	3	30	30	90		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
4	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	General English 2 (GE2)	3	30	30	90		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
5	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 –	General English 3	3	30	30	90		- Bài giảng	- Bài thi cuối

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		Ngành Y	(GE3)						- Thảo luận - Bài tập	kỳ - Thuyết trình
6	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Medical Terminology 1	3	30	30	90		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
7	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	Medical Terminology 2	3	30	30	90		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
8	077039	Tiếng Anh chuyên ngành 3	Medical Terminology 3	3	30	30	90		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
9	077166	Kỹ năng giao tiếp y khoa	Medical Communication Skills	3	30	0	60		- Bài giảng - Học tập dựa trên vấn đề - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
10	074163	Hóa đại cương	General chemistry	2	15	30	60		- Bài giảng - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
11	074920	Nhập môn Internet và Elearning	Introduction Internet and E-learning	2	30	0	60		- Bài giảng - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
		Tự chọn		2						
1	074158	Y học quốc phòng	Military Medicine	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
2	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	Digital skills and creative innovation	2	15	30	60		Thuyết giảng / E-learning	Bài thi tự luận
3	077038	Ứng dụng tâm lý đạo đức y học trong NCKH, lâm sàng, cộng đồng	Applying psychology and ethics in clinical and public health research	2	0	60	60		- Bài giảng - Thảo luận - Phân tích tình huống	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
III		KIẾN THỨC CỞ SỞ NGÀNH / CỐT LÕI NGÀNH		188	1515	2610	5580			
III.1		Kiến thức cơ sở ngành		87	915	780	2550			
	Bắt buộc			85	885	780	2490			
1	073357	Lý sinh	Biophysics	2	15	30	60		- Bài giảng - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
2	074159	Sinh học và di truyền	Biology and Genetics	2	15	30	60		- Bài giảng - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
3	074160	Giải phẫu đại cương	General Anatomy	2	15	30	60		- Bài giảng - Câu hỏi - Thực tập mô hình	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
4	074166	Giải phẫu bệnh đại cương	General Anatomic Pathology	2	15	30	60		- Bài giảng - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
5	074168	Mô phôi đại cương	General Histology-	2	15	30	60		- Bài giảng - Thực tập mô	- Bài thi cuối kỳ

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
			Embryology						hình	- Thuyết trình - Bài thi cuối kỳ
6	074165	Vì sinh – Ký sinh trùng	Microbiology and Parasitology	3	30	30	90		- Thuyết giảng - Thảo luận /làm việc nhóm	- Thuyết trình - Bài thi cuối kỳ
7	074161	Sinh lý đại cương	General Physiology	2	15	30	60		- Bài giảng - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
8	074170	Hóa sinh đại cương	General biochemistry	2	15	30	60		- Thuyết giảng - Thảo luận - Học nhóm	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
9	074167	Sinh lý bệnh đại cương	General Disease Physiology	2	15	30	60		- Bài giảng - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
10	074187	Dân số học	Demography	1	15	0	30		- Bài giảng - Câu hỏi - Nghiên cứu trường hợp	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
11	074171	Sức khỏe và bệnh tật	Health and illness	2	30	00	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
12	074186	Sức khỏe môi trường và	Environmental	2	15	30	60		- Bài giảng	- Bài thi cuối

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		bệnh nghề nghiệp	health and occupational diseases						- Thảo luận - Bài tập	kỳ - Thuyết trình
13	074215	Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề y tế công cộng	Health management organization	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
14	074188	Dịch tễ học	Basic epidemiology	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
15	074201	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	Health communication and education	1	15	0	30		- Bài giảng - Đề tài nhóm - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Viết báo cáo
16	074189	Chẩn đoán hình ảnh	Diagnostic Imaging	2	15	30	60		- Bài giảng - Câu hỏi - Phân tích tình huống - Thực tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
17	074162	Dược lý đại cương	General Pharmacology	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
18	074185	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	Nutrition and Food hygiene – safety	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
19	077040	Miễn dịch – dị ứng	Immunology - Allergology	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
20	077041	Huyết học - Truyền máu cơ sở	Fundamentals of Hematology and Transfusion medicine	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
21	077042	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa	Nutrition and Digestive system	3	45	0	90		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
22	077043	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa thực hành	Nutrition and Digestive system (Practice)	1	0	30	30	077042 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi PBL - Thi thực hành cuối kỳ
23	077044	Hệ niệu và cân bằng nội mô	Nephrology and Urology Module	3	45	0	90		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
24	077045	Hệ niệu và cân bằng nội mô thực hành	Nephrology and Urology Module (Practice)	1	0	30	30	077044 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi PBL - Thi thực hành cuối kỳ
25	077046	Hệ nội tiết và chuyển hóa	Endocrine and Metabolic System	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
27	077047	Hệ vận động	Musculoskeletal system	3	45	0	90		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
28	077048	Hệ vận động thực hành	Musculoskeletal system (Practice)	1	0	30	30	077047 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi PBL - Thi thực hành cuối kỳ
29	077049	Hệ thần kinh và hành vi	Behavioral Neurology System	3	45	0	90		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
30	077050	Hệ thần kinh và hành vi thực hành	Behavioral Neurology System (Practice)	1	0	30	30	077049 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi thực hành cuối kỳ
31	077051	Da và các giác quan	Skin and Sensory organs	3	45	0	90		- Thuyết giảng - Thảo luận/làm việc	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
									nhóm	
32	077052	Da và các giác quan thực hành	Skin and Sensory organs (Practice)	1	0	30	30	077051 (c)	- Thuyết giảng - Thực hành	- Thi thực hành cuối kỳ
33	077053	Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản	Reproductive system	3	45	0	90		- Thuyết giảng - Thảo luận/làm việc nhóm	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
34	077054	Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản thực hành	Reproductive system (Practice)	1	0	30	30	077053 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi thực hành cuối kỳ
35	077055	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên	Neonate, child and adolescent (Theory)	3	45	0	90		- Thuyết giảng - Thảo luận/làm việc nhóm	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
36	077056	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên thực hành	Neonate, child and adolescent (Practice)	1	0	30	30	077055 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi thực hành cuối kỳ
37	074173	Tâm lý và đạo đức y khoa	Medical Psychology and Morality	1	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
38	074198	Pháp y	Forensic Medicine	1	15	0	30		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
39	074213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific research method	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
40	074164	Sinh học tế bào và phân tử	Cellular and Molecular Biology	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Bài tập	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
41	077057	Hệ tim mạch	Cardiology	3	45	0	90		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
42	077058	Hệ tim mạch thực hành	Cardiology (Practice)	1	0	30	30	077057 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi thực hành cuối kỳ
43	077059	Hệ hô hấp	Pulmonology	3	45	0	90		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
44	077060	Hệ hô hấp thực hành	Pulmonology (Practice)	1	0	30	30	077059 (c)	- Thực tập mô hình - Thực hành	- Thi thực hành cuối kỳ
45	074172	Điều dưỡng cơ bản	Basic Nursing	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Thực tập mô hình	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
		Tự chọn		2	30	0	60			
1	074894	Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế	Financial management and health economics	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Phân tích tình huống	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Viết báo cáo
2	074895	Quản lý dự án	Project management	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Phân tích tình huống	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Viết báo cáo
3	074898	Y học hạt nhân	Nuclear medicine	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
4	074901	Công nghệ tế bào gốc	Cell Technology	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Thuyết trình - Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
III. 2	Kiến thức chuyên ngành/ chu yên sâu/ cốt lõi ngành			101	600	1830	3030			
1	077061	Kỹ năng y khoa	Medical Skill Theory	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Phân tích tình huống	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
2	077063	Triệu chứng học nội khoa	Principal of Internal Symptomatology	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Học tập dựa trên vấn đề	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
3	077065	Triệu chứng học ngoại khoa	Surgical Signs and Symptoms	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Học tập dựa trên vấn đề	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
4	077067	Nội khoa 1	Internal Medicine	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận	- Bài thi cuối kỳ

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
									- Câu hỏi	- Thuyết trình
5	077068	Nội khoa 1 thực hành	Internal Medicine (Practice)	6	0	180	180	077067 (c)	- Thực tập lâm sàng	- Thi vấn đáp
6	074211	Hồi sức cấp cứu	Emergency medicine	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Thực tập mô hình - Thực hành lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
7	073378	Phẫu thuật thực hành	Practice surgery	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Thực tập mô hình - Thực hành lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi thực hành
8	077069	Ngoại khoa 1	Surgery 1	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
9	077070	Ngoại khoa 1 - Thực hành	Surgery 1 (Practice)	6	0	180	180	077069 (c)	-Thực tập lâm sàng	-Thi vấn đáp
10	077071	Nhi 1	Pediatric 1	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
11	077072	Nhi 1 thực hành	Pediatric 1 (Practice)	6	0	180	180	077071 (c)	-Thực tập lâm sàng	-Thi vấn đáp
12	077073	Sản 1	Obstetrics and gynaecology	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
13	077074	Sản 1 thực hành	Obstetrics and gynaecology (Practice)	6	0	180	180	077073 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
14	074208	Lão khoa và bệnh tật nguyên	Geriatric and Disability Disease	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Học tập dựa trên vấn đề	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
15	077075	Truyền nhiễm	Infectious Diseases	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Học tập dựa trên vấn đề	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
16	077076	Truyền nhiễm thực hành	Practical Infectious Diseases	1	0	30	30	077075 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi cuối kỳ
17	074196	Lao	Tuberculosis	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
18	074197	Thần kinh	Neurology	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
19	074202	Tâm thần	Psychiatry	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
									- Thực tập lâm sàng	- Thi vấn đáp
20	074199	Nhãn khoa	Ophthalmology	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
21	074190	Tai mũi họng	Otolaryngology	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
22	074191	Răng hàm mặt	Odontostomatolog y	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
23	074192	Da liễu	Dermatology	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
24	074193	Gây mê hồi sức	Anesthesiology	2	15	30	60		sàng - Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
25	074200	Ung thư	Oncology	2	15	30	60		sàng - Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi vấn đáp
26	074203	Y học cổ truyền	Traditional Medicine	2	15	30	60		sàng - Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi thực hành
27	074204	Phục hồi chức năng	Rehabilitation	2	15	30	60		sàng - Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi - Thực tập lâm sàng	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình - Thi thực hành

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
28	077077	Ngoại khoa 2	Surgery 2	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
29	077078	Ngoại khoa 2 - Thực hành	Surgery 2 (Practice)	6	0	180	180	077077 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
30	077079	Sản 2	Obstetrics 2	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
31	077080	Sản 2 - Thực hành	Obstetrics 2 (Practice)	4	0	120	120	077079 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
32	077081	Nhi 2	Pediatric 2	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
33	077082	Nhi 2 - Thực hành	Pediatric 2 (Practice)	4	0	120	120	077081 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
34	077083	Nội khoa 2	Internal Medicine 2	2	30	0	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
35	077084	Nội khoa 2 - Thực hành	Internal Medicine 2 (Practice)	6	0	180	180	077083 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
36	077085	Huyết học - Truyền máu	Haematology and Transfusion medicine	2	15	30	60		- Bài giảng - Thảo luận - Câu hỏi	- Bài thi cuối kỳ - Thuyết trình
37	077086	Nội tiết lâm sàng	Clinical Endocrinology	2	15	30	60		Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
IV	THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			8	0	240	240			
1	074206	Thực tập cộng đồng	Practice community	2	0	60	60		- Bài giảng - Thực tập	Viết báo cáo thực tập
2	077062	Kỹ năng y khoa - Thực hành	Medical Skill (Practice)	2	0	60	60	077061 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
3	077064	Triệu chứng học nội khoa - Thực hành	Principal of Internal Symptomatology (Practice)	2	0	60	60	077063 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp
4	077066	Triệu chứng học ngoại khoa - Thực hành	Surgical Signs and Symptoms	2	0	60	60	077064 (c)	Thực tập lâm sàng	Thi vấn đáp

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
V	TÓT NGHIỆP		(Practice)	7	0	210	210			
1	077352	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp		7	0	210	210		Ôn tập	Thi trắc nghiệm

ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện đăng ký	Điều kiện khác
1	071001	Giới thiệu đại cương	2		
2	071002	Giới thiệu đại cương	2		
3	071003	Giới thiệu đại cương	2		
4	071004	Giới thiệu đại cương	2		
5	071005	Giới thiệu đại cương	2		
6	071006	Giới thiệu đại cương	2		
7	071007	Giới thiệu đại cương	2		
8	071008	Giới thiệu đại cương	2		
9	071009	Giới thiệu đại cương	2		
10	071010	Giới thiệu đại cương	2		
11	071011	Giới thiệu đại cương	2		
12	071012	Giới thiệu đại cương	2		
13	071013	Giới thiệu đại cương	2		
14	071014	Giới thiệu đại cương	2		
15	071015	Giới thiệu đại cương	2		
16	071016	Giới thiệu đại cương	2		
17	071017	Giới thiệu đại cương	2		
18	071018	Giới thiệu đại cương	2		
19	071019	Giới thiệu đại cương	2		
20	071020	Giới thiệu đại cương	2		
21	071021	Giới thiệu đại cương	2		
22	071022	Giới thiệu đại cương	2		
23	071023	Giới thiệu đại cương	2		
24	071024	Giới thiệu đại cương	2		
25	071025	Giới thiệu đại cương	2		
26	071026	Giới thiệu đại cương	2		
27	071027	Giới thiệu đại cương	2		
28	071028	Giới thiệu đại cương	2		
29	071029	Giới thiệu đại cương	2		
30	071030	Giới thiệu đại cương	2		

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			14	
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	075580 (a)
3	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
4	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	
5	074163	Hóa đại cương	2	
6	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	
7	074159	Sinh học và di truyền	2	
HỌC KỲ 2			18	
1	077166	Kỹ năng giao tiếp y khoa	3	
2	070245	Xác suất thống kê y học	2	
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075581 (a)
4	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3	
5	073357	Lý sinh	2	
6	074920	Nhập môn Internet và Elearning	2	
7	077040	Miền dịch – dị ứng	2	
8	074164	Sinh học tế bào và phân tử	2	
9	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	
HỌC KỲ 3			16	
1	075583	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	075582 (a)
2	074160	Giải phẫu đại cương	2	
3	074166	Giải phẫu bệnh đại cương	2	
4	074168	Mô phôi đại cương	2	



STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
5	074165	Vi sinh - ký sinh trùng	3	
6	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	
7	070011	Pháp luật đại cương	2	
HỌC KỲ 4			19	
	Bắt buộc		17	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075583 (a)
2	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	
3	074161	Sinh lý đại cương	2	
4	074170	Hóa sinh đại cương	2	
5	074172	Điều dưỡng cơ bản	2	
6	074187	Dân số học	1	
7	074171	Sức khỏe và bệnh tật	2	
8	074188	Dịch tễ học	2	
9	074201	Truyền thông – Giáo dục sức khỏe	1	
	Tự chọn		2	
1	074158	Y học quốc phòng	2	
2	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2	
3	077038	Ứng dụng tâm lý đạo đức y học trong NCKH, lâm sàng, cộng đồng	2	
HỌC KỲ 5			17	
1	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	
2	074189	Chẩn đoán hình ảnh	2	
3	074162	Dược lý đại cương	2	
4	074185	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	



STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
5	074167	Sinh lý bệnh đại cương	2	
6	077061	Kỹ năng y khoa	2	
7	077062	Kỹ năng y khoa - Thực hành	2	077061 (c)
8	074215	Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề y tế công cộng	2	
HỌC KỲ 6			17	
1	077057	Hệ tim mạch	3	
2	077058	Hệ tim mạch - Thực hành	1	077057 (c)
3	077059	Hệ hô hấp	3	
4	077060	Hệ hô hấp - Thực hành	1	077059 (c)
5	077042	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa	3	
6	077043	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa - Thực hành	1	077042 (c)
7	074186	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	2	
8	077039	Tiếng Anh chuyên ngành 3	3	
HỌC KỲ 7			14	
1	077063	Triệu chứng học nội khoa	2	
2	077064	Triệu chứng học nội khoa - Thực hành	2	077063 (c)
3	077065	Triệu chứng học ngoại khoa	2	
4	077066	Triệu chứng học ngoại khoa - Thực hành	2	077065 (c)
5	077044	Hệ niệu và cân bằng nội mô	3	
6	077045	Hệ niệu và cân bằng nội mô - Thực hành	1	077044 (c)

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
7	077046	Hệ nội tiết và chuyển hóa	2	
HỌC KỲ 8			12	
1	077047	Hệ vận động	3	
2	077048	Hệ vận động - Thực hành	1	077047 (c)
3	077049	Hệ thần kinh và hành vi	3	
4	077050	Hệ thần kinh và hành vi - Thực hành	1	077049 (c)
5	077051	Da và các giác quan	3	
6	077052	Da và các giác quan - Thực hành	1	077051 (c)
HỌC KỲ 9			10	
1	077055	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên	3	
2	077056	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên - Thực hành	1	077055 (c)
3	077053	Hệ sinh dục, Thai nghén và sinh sản	3	
4	077054	Hệ sinh dục, Thai nghén và sinh sản - Thực hành	1	077053 (c)
5	077041	Huyết học - Truyền máu cơ sở	2	
HỌC KỲ 10			12	
1	077067	Nội khoa 1	2	
2	077068	Nội khoa 1 - Thực hành	6	077067 (c)
3	074211	Hồi sức cấp cứu	2	
4	073378	Phẫu thuật - Thực hành	2	
HỌC KỲ 11			16	
1	077069	Ngoại khoa 1	2	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
2	077070	Ngoại khoa 1 - Thực hành	6	077069 (c)
3	077071	Nhi 1	2	
4	077072	Nhi 1 - Thực hành	6	077071 (c)
HỌC KỲ 12			10	
Bắt buộc			8	
1	077073	Sản 1	2	
2	077074	Sản 1 - Thực hành	6	077073 (c)
Tự chọn			2	
1	074894	Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế	2	
2	074895	Quản lý dự án	2	
3	074898	Y học hạt nhân	2	
4	074901	Công nghệ tế bào gốc	2	
HỌC KỲ 13			13	
1	074208	Lão khoa và bệnh tật nguyên	2	
2	077075	Truyền nhiễm	2	
3	077076	Truyền nhiễm - Thực hành	1	077075 (c)
4	074196	Lao	2	
5	074197	Thần kinh	2	
6	074202	Tâm thần	2	
7	074200	Ung thư	2	
HỌC KỲ 14			12	
1	074190	Tai mũi họng	2	
2	074191	Răng hàm mặt	2	
3	074192	Da liễu	2	



STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
4	074193	Gây mê hồi sức	2	
5	074199	Nhãn khoa	2	
6	077086	Nội tiết lâm sàng	2	
HỌC KỲ 15			12	
1	074213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2	074198	Pháp Y	1	
3	074203	Y học cổ truyền	2	
4	074204	Phục hồi chức năng	2	
5	077085	Huyết học - Truyền máu	2	
6	074206	Thực tập cộng đồng	2	
7	074173	Tâm lý và đạo đức y khoa	1	
HỌC KỲ 16			14	
1	077077	Ngoại khoa 2	2	
2	077078	Ngoại khoa 2 - Thực hành	6	077077 (c)
3	077079	Sản 2	2	
4	077080	Sản 2 - Thực hành	4	077079 (c)
HỌC KỲ 17			14	
1	077081	Nhi 2	2	
2	077082	Nhi 2 - Thực hành	4	077081 (c)
3	077083	Nội khoa 2	2	
4	077084	Nội khoa 2 - Thực hành	6	077083 (c)
HỌC KỲ 18			7	
1	077352	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	7	



6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I (Introduce): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức đơn giản** làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức cơ bản** hay **nâng cao**;

M (Master): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức nâng cao**, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT											
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)
1	075580	Triết học Mác – Lênin	3	HK1	I				I						I	
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	2	HK1	I				I						I	
3	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	HK1	I				I					I		
4	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	HK1	I				I						I	
5	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	HK1	I				I	I				I	I	
6	074163	Hóa đại cương	2	HK1	I				I						I	
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	HK1	I									I		
8	074159	Sinh học và di truyền	2	HK1	I				I						I	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT											
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)
9	077166	Kỹ năng giao tiếp y khoa	3	HK2	I				I						I	
10	070245	Xác suất thống kê y học	2	HK2	I				I						I	
11	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	HK2	I				I						I	
12	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3	HK2	I				I	I				I	I	
13	074164	Sinh học tế bào và mô phân tử	2	HK2	I	I		I	P				I	P	I	I
14	073357	Lý sinh	2	HK2	P				P						P	
15	077040	Miền dịch – dị ứng	2	HK2	I	P	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
16	074920	Nhập môn Internet và Elearning	2	HK4	I				I						I	
17	075583	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK3	P				P						P	
18	074160	Giải phẫu đại cương	2	HK3	I				I	I				I	I	
19	074166	Giải phẫu bệnh đại cương	2	HK3	I				I					I		
20	074168	Mô phổi đại cương	2	HK3	P				P						P	
21	074165	Vị sinh - ký sinh trùng	3	HK3		P	P	P	P				P	I	I	
22	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	HK3	I				I	I				I	I	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT													
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)		
23	070011	Pháp luật đại cương	2	HK3	I					I					I			PLO ₁₂ (A ₃)
24	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK4	P					P							P	
25	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	HK4		M	M	M		P			M			I	I	
26	074161	Sinh lý đại cương	2	HK4	I					I						I		
27	074170	Hóa sinh đại cương	2	HK4	P					P							P	
28	074172	Điều dưỡng cơ bản	2	HK4	I	P			I	I	I	I			I	I	I	I
29	074187	Dân số học	1	HK4		I			P						P			I
30	074171	Sức khỏe và bệnh tật	2	HK4	I	P			I	I	I	I			I	I	I	I
31	074188	Dịch tễ học	2	HK4		I			P						P			I
32	074201	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	1	HK4	I					I	I	I			P	I	I	I
33	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2	HK4	P					P							P	
34	074158	Y học quốc phòng	2	HK4	I												I	
35	077038	Ứng dụng tâm lý đạo đức y học trong NCKH, lâm sàng, cộng đồng	2	HK4	P					P							P	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT												
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)	
36	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	HK5		M	M	M	P	P			M		I	I	
37	074189	Chẩn đoán hình ảnh	2	HK5	I					I						I	
38	074162	Dược lý đại cương	2	HK5		P	P	P	P	P			P		I	I	
39	074185	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	HK5	I					I						I	
40	074167	Sinh lý bệnh đại cương	2	HK5		M	M	M	M	P			M		I	I	
41	077061	Kỹ năng y khoa	2	HK5	I	P	M	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
42	077062	Kỹ năng y khoa - Thực hành	2	HK5	I	P	M	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
43	074215	Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết vấn đề y tế cộng đồng	2	HK5	I	I				P	I				I		I
44	077057	Hệ tim mạch	3	HK6	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
45	077058	Hệ tim mạch - Thực hành	1	HK6	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
46	077059	Hệ hô hấp	3	HK6	I	P	M	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
47	077060	Hệ hô hấp - Thực hành	1	HK6	I	P	M	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
48	077042	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa	3	HK6	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT											
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)
49	077043	Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa thực hành	1	HK6	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
50	074186	Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp	2	HK6		M	M	M	P			M		I	I	
51	077039	Tiếng Anh chuyên ngành 3	3	HK6		M	M	M	P			M		I	I	
52	077063	Triệu chứng học nội khoa	2	HK7	I	P	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
53	077064	Triệu chứng học nội khoa - Thực hành	2	HK7	I	P	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
54	077065	Triệu chứng học ngoại khoa	2	HK7	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
55	077066	Triệu chứng học ngoại khoa - Thực hành	2	HK7	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
56	077044	Hệ niệu và cân bằng nội mô	3	HK7	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
57	077045	Hệ niệu và cân bằng nội mô - Thực hành	1	HK7	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
58	077046	Hệ nội tiết và chuyển hóa	2	HK7			P		P	P		P		P	P	P
59	077047	Hệ vận động	3	HK8	P	I	P	I	I	I	P	I		I	I	I
60	077048	Hệ vận động - Thực hành	1	HK8	P	I	P	I	I	I	P	I		I	I	I
61	077049	Hệ thần kinh và hành vi	3	HK8		I	P	I	P	P	P			P	P	P

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT											
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)
62	077050	Hệ thần kinh và hành vi - Thực hành	1	HK8		I	P	I	P	P	P	P	I	P	P	P
63	077051	Da và các giác quan	3	HK8	P	I	P	I	I	I	P	I		I	I	I
64	077052	Da và các giác quan - Thực hành	1	HK8	P	I	P	I	I	I	P	I		I	I	I
65	077055	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên	3	HK9		I	P	I	P	P	P			P	P	P
66	077056	Sơ sinh, trẻ em, vị thành niên - Thực hành	1	HK9		I	P	I	P	P	P	P	I	P	P	P
67	077053	Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản	3	HK9	P	P	P		P	P	P	P		P	P	P
68	077054	Hệ sinh dục, thai nghén và sinh sản - Thực hành	1	HK9	P	P	P		P	P	P	P		P	P	P
69	077041	Huyết học - Truyền máu cơ sở	2	HK9	I	P	M	I	I	M	I	M	M	I	I	P
70	077067	Nội khoa 1	2	HK10	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
71	077068	Nội khoa 1 – Thực hành	6	HK10	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
72	074211	Hồi sức cấp cứu	2	HK10	I	I	P	P	I	I	I	P	P	P	I	I
73	073378	Phẫu thuật thực hành	2	HK10		I	P	I	P	P	P	P	I	P	P	P
74	077069	Ngoại khoa 1	2	HK11	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT											
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)
75	077070	Ngoại khoa 1 – Thực hành	6	HK11	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I
76	077071	Nhi 1	2	HK11			M	M	P	P	I		P	I		I
77	077072	Nhi 1 – Thực hành	6	HK11			M	M	M	P	I	M	P	P		I
78	077073	Sân 1	2	HK12	P	P	P		P	P	P			P	P	
79	077074	Sân 1 - Thực hành	6	HK12	P	P	P		P	P	P			P	P	
80	074894	Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế	2	HK12		I				I			P			I
81	074895	Quản lý dự án	2	HK12	I			I	I	P				I		
82	074898	Y học hạt nhân	2	HK12	I	I	M	M	P	P		M	P	M	P	P
83	074901	Công nghệ tế bào gốc	2	HK12	I			I	I	P				I		
84	074208	Lão khoa và bệnh tật nguyên	2	HK13	I	I	M	M	P	P		M	P	M	P	P
85	077075	Truyền nhiễm	2	HK13			M	M	M	P	I	M	P	P		I
86	077076	Truyền nhiễm - Thực hành	1	HK13	P	P	P		P	P	P			P	P	
87	074196	Lao	2	HK13	P	P	P		P	P	P			P	P	
88	074197	Thần kinh	2	HK13		I				I			P			I

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT											
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)
89	074202	Tâm thần	2	HK13	I			I	I	P				I		
90	074200	Ung thư	2	HK13	I	I	M	M	P	P		M	P	M	P	P
91	074190	Tai mũi họng	2	HK14	P	I	P	I	I	I	P	I		I	I	I
92	074191	Răng hàm mặt	2	HK14	I	I	P	P	P	P		P	P	M	P	P
93	074192	Da liễu	2	HK14	I	P	I	I	I	M	I	I		I	I	I
94	074193	Gây mê hồi sức	2	HK14	I	I	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
95	074199	Nhân khoa	2	HK14	I	I	P	P	P	P		P	P	M	P	P
96	077085	Huyết học và truyền máu	2	HK14	I	P	M	I	I	M	I	M		I	I	P
97	077086	Nội tiết lâm sàng	2	HK14	I	P	M	I	I	M	I	M		I	I	P
98	074213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	HK15	I	I		P		I	I		P	I	I	I
99	074198	Pháp Y	1	HK15	I	I		P		I	I		P	I	I	I
100	074203	Y học cổ truyền	2	HK15	I	I		P		I	I		P	I	I	I
101	074204	Phục hồi chức năng	2	HK15	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
102	074206	Thực tập cộng đồng	8	HK15			M	M	P	P	I		P	I		I

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT											
					PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (K ₄)	PLO ₅ (S ₁)	PLO ₆ (S ₂)	PLO ₇ (S ₃)	PLO ₈ (S ₄)	PLO ₉ (S ₅)	PLO ₁₀ (A ₁)	PLO ₁₁ (A ₂)	PLO ₁₂ (A ₃)
103	074173	Tâm lý và đạo đức y khoa	1	HK15	I	I		I	P				I	P	I	I
104	077077	Ngoại khoa 2	2	HK16	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
105	077078	Ngoại khoa 2 - Thực hành	6	HK16	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
106	077079	Sân 2	2	HK16	P	P	P	P	P	P	P	P		P	P	P
107	077080	Sân 2 - Thực hành	4	HK16	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
108	077081	Nhi 2	2	HK17			M	M	P	P	I		P	I		I
109	077082	Nhi 2 thực hành	4	HK17			M	M	M	P	I	M	P	P		I
110	077083	Nội khoa 2	2	HK17	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
111	077084	Nội khoa 2 - Thực hành	6	HK17	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
112	074220	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	7	HK18	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

7.1 Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

7.2 Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

7.3 Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

7.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người



học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

7.6 Giáo dục quốc phòng và an ninh (8 tín chỉ)

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trang bị kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kiến thức về chủ nghĩa xã hội; kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Đồng thời cung cấp kiến thức về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, kiến thức về đội ngũ đơn vị; kiến thức chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; giới thiệu về bản đồ quân sự; cách thức phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Trang bị kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác; thực hành sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

7.7 Giáo dục thể chất (5 tín chỉ)

Nội dung chương trình Giáo dục thể chất tập trung vào 2 phần cơ bản là bóng chuyền và bóng đá. Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và nội dung thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho sinh viên.

7.8 Tin học MOS 1 (Windows, Word) (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái

niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách sử dụng Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

7.9 Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y (3 tín chỉ)

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ chuyên ngành gồm 12 bài của giáo trình Think (60 tiết) và học trực tiếp với nội dung do giảng viên bộ môn Ngoại Ngữ thuộc khoa Y biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ dưới trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

7.10 Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y (3 tín chỉ)

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ chuyên ngành gồm 12 bài của giáo trình Think (60 tiết) và học trực tiếp với nội dung do giảng viên bộ môn Ngoại Ngữ thuộc khoa Y biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

7.11 Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y (3 tín chỉ)

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ chuyên ngành Y gồm 12 bài của giáo trình Think (60 tiết) và học trực tiếp với nội dung do giảng viên bộ môn Ngoại Ngữ thuộc khoa Y biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.



7.12 Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)

Nội dung: Tiếng Anh chuyên ngành 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức y khoa bằng tiếng Anh được sử dụng trong chương trình học giải phẫu đại cương, sinh lý, bệnh học cơ bản. Sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng học từ vựng chuyên ngành, cách đọc bệnh án, cách đọc, viết, tìm tòi các bài báo, bài nghiên cứu khoa học liên quan đến Y đa khoa và các chuyên khoa sâu.

7.13 Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)

Nội dung: Tiếng Anh chuyên ngành 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức y khoa bằng tiếng Anh được sử dụng trong chương trình học giải phẫu đại cương, sinh lý, bệnh học cơ bản. Sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng học từ vựng chuyên ngành, cách đọc bệnh án, cách đọc, viết, tìm tòi các bài báo, bài nghiên cứu khoa học liên quan đến Y đa khoa và các chuyên khoa sâu.

7.14 Tiếng Anh chuyên ngành 3 (3 tín chỉ)

Nội dung: Tiếng Anh chuyên ngành 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức y khoa bằng tiếng Anh được sử dụng trong chương trình học giải phẫu đại cương, sinh lý, bệnh học cơ bản. Sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng học từ vựng chuyên ngành, cách đọc bệnh án, cách đọc, viết, tìm tòi các bài báo, bài nghiên cứu khoa học liên quan đến Y đa khoa và các chuyên khoa sâu.

7.15 Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về nguồn gốc, bản chất, các đặc trưng của nhà nước và pháp luật; chức năng, vai trò, hình thức và các kiểu nhà nước; khái niệm pháp luật và các hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật trong cuộc sống.

7.16 Kỹ năng giao tiếp y khoa (3 tín chỉ)

Nội dung: Trong môn học này, các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp hiệu quả trong thực hành y tế sẽ được thảo luận và một số tình huống giao tiếp đặc biệt được nêu

bật. Các phương pháp dạy học kỹ năng giao tiếp sẽ được thảo luận, chú ý đến một số phương pháp được sử dụng ở các nước có nền y khoa phát triển.

7.17. Huyết học - Truyền máu cơ sở (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần cung cấp cho các sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh lý hệ tạo máu, quá trình đông cầm máu, cách tiếp cận bệnh nhân bệnh về máu, bước đầu tiếp cận các loại chế phẩm máu, nguyên tắc định nhóm máu và nguyên tắc truyền máu. Tất cả những kiến thức này sẽ giúp sinh viên hiểu được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị của các bệnh lý về huyết học trên lâm sàng trong những năm học sắp tới.

7.18 Y học quốc phòng (2 tín chỉ)

Nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức liên quan đến vấn đề y tế, quân sự, mối liên quan chiến lược giữa phát triển y tế gắn với đảm bảo quốc phòng – an ninh.

7.19 Xác suất thống kê y học (2 tín chỉ)

Nội dung: Bao gồm một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

7.20 Nhập môn Internet và Elearning (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về Internet và E-learning. Hiểu được các phương pháp, quy trình học E-Learning, biết cách sử dụng và khai thác tối đa những tiện ích mà các cung cụ hỗ trợ học tập trực tuyến mang lại.

7.21 Ứng dụng tâm lý đạo đức y học trong NCKH, lâm sàng, cộng đồng: (2 tín chỉ)

Nội dung gồm: Các hiện tượng tâm lý, những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế với bệnh nhân và đồng nghiệp; Các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong thực hành y

khoa, những quy định về đạo đức khi tiến hành nghiên cứu khoa học, nghĩa vụ của người cán bộ y tế đối với bệnh nhân và xã hội, những nội dung đặc trưng của đạo đức người cán bộ y tế.

7.22 Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo 2 (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo là học phần giới thiệu tổng quan về các kỹ năng về công nghệ thông tin như kỹ thuật đa phương tiện gồm website, hình ảnh, video, các chuẩn dữ liệu đảm bảo chất lượng truyền thông, ứng dụng tương tác qua công nghệ số, chia sẻ, tham gia, quản lý kỹ năng số, mạng công cộng. Bên cạnh đó, ứng dụng kỹ năng số vào đổi mới sáng tạo là công cụ thiết yếu để cập nhật sự phát triển các công nghệ phù hợp cho sự phát triển của xã hội ngày nay.

7.23 Lý sinh (2 tín chỉ)

Nội dung: Bao gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

7.24 Hóa đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Bao gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

7.25 Sinh học và di truyền (2 tín chỉ)

Nội dung: Các vấn đề di truyền cơ bản và ứng dụng để giải thích tính di truyền của các bệnh di truyền thường gặp: phân loại các bệnh di truyền, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể gây bệnh (các bệnh đơn gen, các bệnh nhiễm sắc thể, bệnh ty thể, bệnh đột biến về tế bào sinh dưỡng, bệnh di truyền đa yếu tố). Các chủ đề được nhấn mạnh bao gồm di truyền các bệnh chuyển hóa, các bệnh huyết học, di truyền ung thư, dị dạng bẩm sinh, di truyền trong sản phụ khoa, di truyền các bệnh mãn tính (bệnh mạch vành, bệnh đái tháo đường, các bệnh tâm thần...); tư vấn di truyền và các vấn đề luật pháp có liên quan. Các kỹ thuật chẩn đoán, điều trị bệnh di truyền, kể cả nguyên tắc điều trị gen.

7.26 Sinh học tế bào và phân tử (2 tín chỉ)

Nội dung: Module này bao gồm các kiến thức về sinh học đại cương, sinh học tế bào, sinh học phân tử, di truyền người. Nội dung chính của module là cấu tạo phân tử của cơ thể sống, các quá trình, quy luật và cơ chế sinh học cơ thể người, các định đề trung tâm về gen, protein, tổ chức cơ thể ở mức phân tử, tế bào, sự liên kết và thông tin giữa các tế bào, các cấu trúc vi thể, siêu vi thể. Một số chuyên đề đặc biệt: tính đa hình, trí nhớ và cơ chế bệnh có liên quan đến trí nhớ, các công cụ nghiên cứu sinh học phân tử và sinh học tế bào; khái niệm về bệnh học phân tử.

7.27 Vi sinh – Ký sinh trùng (3 tín chỉ)

Nội dung: Môn học về các đặc điểm: hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học. Mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật. Các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh. Các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

Học phần Ký sinh trùng sẽ giảng cho sinh viên về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo cơ của ký sinh trùng. Đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm dịch tễ KST ở Việt Nam. Phân tích đặc điểm bệnh học và tác hại do KST và bệnh ký sinh trùng. Phân tích mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Giới thiệu một số phương pháp chẩn đoán bệnh KST và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng trong ký sinh trùng. Các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

7.28 Giải phẫu đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên điều dưỡng các kiến thức về đặc điểm giải phẫu, cấu tạo chức năng của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người, liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu và những môn học điều dưỡng lâm sàng.

7.29 Giải phẫu bệnh đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên sẽ được học các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý. Nhận định được mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh. Vận dụng kiến thức đã học cả về lý thuyết và thực hành để xác định chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở Việt Nam, tìm hiểu nguyên nhân để đóng góp cho việc điều trị, phòng bệnh cũng như chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

7.30 Mô phôi đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Mô tả được sự hình thành và phát triển của phôi người từ khi thụ tinh đến giai đoạn hình thành mầm các cơ quan. Mô tả được sự hình thành và phát triển, cấu tạo và chức năng của các bộ phận phụ của phôi thai người. Mô tả được sự hình thành và phát triển của một số cơ quan.

7.31 Sinh lý đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Khi học môn học này sinh viên sẽ có khả năng: trình bày sinh lý hệ thống các cơ quan trong cơ thể. Thực hành một số kỹ năng tại phòng thí nghiệm. Mô tả được các hoạt động chủ yếu.

7.32 Sinh lý bệnh đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Giới thiệu quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung để vận dụng vào thực hành lâm sàng. So sánh phân biệt bản chất và hiện tượng trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học trên cơ sở phân tích và tổng hợp các hiện tượng bệnh lý. Giải thích và mô tả về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch. Các giai đoạn, các yếu tố tham gia sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể. Vai trò của hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và hệ thống miễn dịch đặc hiệu (miễn dịch thể dịch và miễn dịch qua trung gian tế bào) trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể. Những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn.

7.33 Hóa sinh đại cương (2 tín chỉ)



Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh học bao gồm: Các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh hoạt và chuyển hóa năng lượng. Quan sát thực hiện và hiểu được ý nghĩa của một số xét nghiệm cơ bản về hóa sinh lâm sàng. vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

7.34 Sức khỏe và bệnh tật (2 tín chỉ)

Nội dung: Khi học module này sinh viên sẽ được khai tâm với những vấn đề trung tâm của con người là sức khỏe và bệnh tật; tạo những cảm xúc với nghề nghiệp; tập tư duy bao quát về những vấn đề sức khỏe, bệnh tật cụ thể.

7.35 Dịch tễ học (2 tín chỉ)

Nội dung: Dịch tễ học là môn khoa học mô tả sự phân bố và những yếu tố quyết định của các vấn đề sức khỏe trong dân số. Đây là một môn học cơ bản trong kiến thức ngành của chương trình đào tạo Y tế công cộng.

7.36 Dân số học (1 tín chỉ)

Nội dung: Gồm giới thiệu về những khái niệm cơ bản và vai trò của dân số học trong y học cộng đồng, chọn, thiết lập và sử dụng được các chỉ số dân số để lượng giá việc chăm sóc sức khỏe nhân dân.

7.37 Truyền thông và Giáo dục sức khỏe (1 tín chỉ)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức bao gồm: các khái niệm Truyền thông và Giáo dục sức khỏe (TT – GDSK) và nâng cao sức khỏe, vai trò của TT – GDSK và nâng cao sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe, các phương pháp, phương tiện TT – GDSK, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; quá trình truyền thông và các yêu cầu làm TT – GDSK có hiệu quả. Các nội dung đặc trưng trong TT – GDSK. Đồng thời giúp sinh viên phân tích các kỹ năng cần rèn luyện trong TT – GDSK. Lập kế hoạch TT – GDSK cho một chương trình TT – GDSK.

7.38 Tổ chức quản lý y tế và phương pháp giải quyết các vấn đề YTCC (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần bao gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ của bệnh viện và mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương. Các nội dung về Luật BVSKND Việt Nam. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/ chương trình y tế.

7.39 Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm (2 tín chỉ)

Nội dung: Gồm giới thiệu về dinh dưỡng và tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe và bệnh tật, các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm và thực trạng của Việt Nam.

7.40 Sức khỏe môi trường và bệnh nghề nghiệp (2 tín chỉ)

Nội dung: Gồm giới thiệu về vấn đề sức khỏe và bệnh tật của con người, bệnh nghề nghiệp có một mối liên hệ mật thiết giữa sức khỏe và môi trường.

7.41 Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung: Môn học cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về đại cương nghiên cứu khoa học, kỹ thuật thu thập số liệu, cách tính cỡ mẫu trong nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm y văn và ứng dụng thống kê trong nghiên cứu khoa học và các chủ đề thảo luận để hoàn tất các bài tập. Bên cạnh đó, học viên sẽ hoàn thành các đề cương nghiên cứu qua từng giai đoạn của nghiên cứu khoa học.

7.42 Tâm lý và đạo đức y khoa (2 tín chỉ)

Nội dung: Gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

7.43 Điều dưỡng cơ bản (2 tín chỉ)

Nội dung: Điều dưỡng cơ bản là môn học về các nội dung hoạt động chăm sóc của người điều dưỡng. Mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, trình bày cách xử với từng tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí thành thạo các tình huống sơ cứu thông thường.

7.44 Triệu chứng học nội khoa (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần này được tổ chức dạy theo phương pháp thuyết giảng tại phòng học, các chủ đề được trình bày sẽ làm rõ từ nguồn gốc hình thành và

nguyên nhân, cơ chế dẫn đến sự biểu hiện của các triệu chứng, biểu hiện lâm sàng các triệu chứng và cách tiếp cận biện luận chẩn đoán bệnh lý dựa trên các triệu chứng.

7.45 Triệu chứng học nội khoa thực hành (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần này được tổ chức dạy theo phương pháp giảng dạy trực tiếp kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh trên bệnh nhân thật tại bệnh viện để phát hiện triệu chứng cơ năng và thực thể của bệnh nhân dưới sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy. Từ đó, sinh viên củng cố lại kiến thức triệu chứng học, sinh viên sẽ biết biện luận chẩn đoán bệnh lý dựa trên cơ sở phân tích triệu chứng học, tạo tiền đề cho sinh viên học và thực tập môn bệnh học và điều trị.

7.46 Triệu chứng học ngoại khoa (2 tín chỉ)

Nội dung: Là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp nhận biết, phân tích triệu chứng và dấu hiệu của một số bệnh lý ngoại khoa cơ bản gồm nguyên nhân và cơ chế, phân biệt được các triệu chứng gần giống nhau gây ra bởi các hệ cơ quan khác nhau, làm cơ sở cho việc học tập, phát triển sâu về chuyên ngành ngoại sau này. Tham gia một phần trong quá trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật.

7.47 Triệu chứng học ngoại khoa thực hành (2 tín chỉ)

Nội dung: Là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp nhận biết, phân tích triệu chứng và dấu hiệu của một số bệnh lý ngoại khoa cơ bản gồm nguyên nhân và cơ chế, phân biệt được các triệu chứng gần giống nhau gây ra bởi các hệ cơ quan khác nhau, làm cơ sở cho việc học tập, phát triển sâu về chuyên ngành ngoại sau này. Tham gia một phần trong quá trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật.

7.48 Dược lý đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Gồm cơ chế tác dụng, áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm, những độc tính của thuốc và nguyên tắc khi xử trí khi nhiễm độc thuốc, kê được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng chuyên môn, đúng pháp lý.

7.49 Hệ tim mạch (3 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên được trang bị đầy đủ, lồng ghép kiến thức về hệ tim mạch bao gồm các nội dung cơ bản sau: Hình thái học của hệ tim mạch; Những chức năng bình thường của hệ tim mạch; Nguyên lý điều trị bằng thuốc của hệ tim mạch; Hình ảnh học hệ tim mạch; Những thay đổi bệnh học nội, ngoại của hệ tim mạch.

7.50 Hệ tim mạch thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên được trang bị đầy đủ, lồng ghép kiến thức về hệ tim mạch bao gồm các nội dung cơ bản sau: Các triệu chứng, hội chứng và các phát hiện khác thích hợp cho việc nhận ra các rối loạn của hệ tim mạch; Xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tim mạch; Huấn luyện kỹ năng Y khoa hệ tim mạch.

7.51 Hệ hô hấp (3 tín chỉ)

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm giới thiệu từ hình thái và chức năng của hệ hô hấp đến bệnh học và điều trị về bệnh đường hô hấp, bên cạnh đó cũng giới thiệu về công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu trong cộng đồng về bệnh đường hô hấp.

7.52 Hệ hô hấp thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm giới thiệu từ hình thái và chức năng của hệ hô hấp đến bệnh học và điều trị về bệnh đường hô hấp, bên cạnh đó cũng giới thiệu về công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu trong cộng đồng về bệnh đường hô hấp.

7.53 Miễn dịch – dị ứng (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phân cung cấp kiến thức cho sinh viên về miễn dịch học đại cương, về các tế bào và cơ quan tham gia vào hệ thống miễn dịch, về đáp ứng miễn dịch tế bào và dịch thể. Hoạt động của hệ miễn dịch có thể có lợi, giúp cơ thể chống lại các tác nhân ngoại lai (xâm nhập và gây bệnh cho cơ thể), cũng có thể có hại (bệnh tự miễn, hiện tượng thải ghép, miễn dịch ung thư, ...). Cung cấp kiến thức cho sinh viên các khái niệm cơ bản và hiện đại về dị ứng học đại cương, về các bệnh dị ứng và tự miễn. Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý dị ứng và tự miễn thường gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị



ứng: sốc phản vệ, cơn hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù Quincks, ...
Hướng dẫn sinh viên cách phòng được các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.

7.54. Huyết học – Truyền máu (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần cung cấp kiến thức về cách tiếp cận bệnh nhân bệnh lý Huyết Học. Giúp sinh viên biết cách hỏi bệnh sử, tiền căn, cách thăm khám, đặt vấn đề, chẩn đoán sơ bộ, chẩn đoán phân biệt, đưa ra cận lâm sàng và phân tích cận lâm sàng. Biết cách kết hợp dữ liệu lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân để đưa ra chẩn đoán xác định bệnh, sau đó sẽ đưa ra hướng điều trị cho bệnh nhân. Nắm được các nguyên tắc truyền máu, các chế phẩm máu, nhận định và xử trí các phản ứng truyền máu cơ bản.

7.55 Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa (3 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ, lồng ghép kiến thức về hệ tiêu hóa và dinh dưỡng, bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giải phẫu, mô phôi, giải phẫu bệnh của ống tiêu hóa, gan, mật, tụy, tuyến nước bọt; Đặc điểm sinh lý – sinh lý bệnh, hóa sinh của ống tiêu hóa và các tuyến tiêu hóa cùng với quá trình tiêu hóa và hấp thụ thức ăn diễn ra trong ống tiêu hóa (từ miệng qua thực quản, dạ dày xuống ruột non, ruột già và đào thải ra ngoài qua ống hậu môn; sự vận chuyển và sử dụng các chất được hấp thụ vào máu); Triệu chứng học của thực quản – dạ dày – tá tràng, gan mật (vàng da, gan to, cổ trướng...), bệnh lý ruột (tắc ruột, viêm phúc mạc...). Nguyên nhân, hậu quả và phương pháp điều trị các bệnh lý thường gặp của ống tiêu hóa, gan mật, tụy (viêm loét dạ dày tá tràng, viêm gan, xơ gan, viêm tụy cấp, sỏi đường mật, hội chứng ruột kích thích, viêm đại tràng, viêm ruột thừa, các rối loạn tâm thể, các ung thư của hệ tiêu hóa...); Hình ảnh học bình thường và bệnh lý của hệ tiêu hóa (X-quang, siêu âm, CT-scan, MRI...); Các khả năng chẩn đoán và điều trị như kỹ thuật nội soi cũng được giới thiệu. Dược lý học các nhóm thuốc được sử dụng trong điều trị các bệnh lý hệ tiêu hóa. Trong module này, sinh viên cũng được giới thiệu đại cương về dinh dưỡng, dinh dưỡng theo lứa tuổi, dinh dưỡng trong các trường hợp bệnh lý.

7.56 Dinh dưỡng và hệ tiêu hóa thực hành (1 tín chỉ)



Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung môn học bao gồm việc tìm hiểu các chức năng của đường tiêu hóa cũng như các bệnh lý của chúng và vai trò của dinh dưỡng trong vấn sức khỏe và bệnh tật.

7.57 Hệ niệu và cân bằng nội môi (3 tín chỉ)

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm kiến thức về giải phẫu học của thận, vai trò của thận trong việc duy trì hằng định nội mô ở dịch ngoại bào, các phương pháp đánh giá chức năng thận, chức năng nội tiết của thận và việc thích nghi của thận trong trường hợp suy thận.

7.58 Hệ niệu và cân bằng nội môi thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm kiến thức về giải phẫu học của thận, vai trò của thận trong việc duy trì hằng định nội mô ở dịch ngoại bào, các phương pháp đánh giá chức năng thận, chức năng nội tiết của thận và việc thích nghi của thận trong trường hợp suy thận.

7.59 Hệ nội tiết và chuyển hóa (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần gồm các kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, triệu chứng của hệ nội tiết, chuyển hóa; Bệnh học, các hội chứng và các bệnh thường gặp của hệ nội tiết và chuyển hóa.

7.60 Nội tiết lâm sàng (2 tín chỉ)

Nội dung học phần gồm các bài giảng lâm sàng trên bệnh nhân thật tại khoa nội tiết nhằm hướng dẫn sinh viên biện luận chẩn đoán bệnh nội tiết dựa trên việc hỏi bệnh để phát hiện các triệu chứng cơ năng, khám bệnh để phát hiện triệu chứng thực thể hệ nội tiết, và đề xuất cận lâm sàng hỗ trợ chẩn đoán. Từ đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách thiết lập phác đồ điều trị và dự phòng phù hợp với bệnh lý nội tiết đã chẩn đoán.

7.61 Hệ vận động (3 tín chỉ)

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm giới thiệu từ cấu trúc chức năng đến bệnh học, hướng điều trị và dự phòng những bệnh của hệ vận động thường gặp.

7.62 Hệ vận động thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Học tích hợp theo Module nội dung gồm giới thiệu từ cấu trúc chức năng đến bệnh học, hướng điều trị và dự phòng những bệnh của hệ vận động thường gặp.

7.63 Hệ thần kinh và hành vi (3 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên được trang bị đầy đủ, lồng ghép kiến thức về hệ thần kinh bao gồm các nội dung cơ bản sau: Hình thái học của hệ thần kinh hành vi (TKHV); Những chức năng bình thường của hệ TKHV; Nguyên lý điều trị bằng thuốc của hệ TKHV; Hình ảnh học hệ thTKHV; Những thay đổi bệnh học nội, ngoại của hệ TKHV; Tiếp cận xử trí một số bệnh lý TKHV.

7.64 Hệ thần kinh và hành vi thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên được trang bị đầy đủ, lồng ghép kiến thức về hệ thần kinh bao gồm các nội dung cơ bản sau: Các triệu chứng, hội chứng và các phát hiện khác thích hợp cho việc nhận ra các rối loạn của hệ TKHV; Xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu TKHV; Huấn luyện kỹ năng y khoa hệ TKHV.

7.65 Da và các giác quan (3 tín chỉ)

Nội dung: Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý của da và các giác quan. Bệnh học, các triệu chứng, và các bệnh thường gặp của da và các giác quan.

7.66 Da và các giác quan thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Da và các giác quan thực hành cung cấp cho sinh viên các kiến thức về da, tai mũi họng, mắt và rang hàm mặt cơ sở, thường và sản bệnh lý. Từ đó, sinh viên có khả năng phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực da và giác quan để giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn. Ngoài ra sinh viên có khả năng thăm khám, chẩn đoán, tiên lượng, xử trí thành thạo những vấn đề thông thường.

7.67 Hệ sinh dục, thai nghén và sinh đẻ (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Hệ sinh dục, sinh sản và thai nghén cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ quan sinh dục nam và nữ, sản phụ khoa cơ sở, sản thường và sản bệnh lý. Từ đó, sinh viên có khả năng phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để giải quyết tại tuyến y tế cơ

sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn. Ngoài ra sinh viên có khả năng thăm khám, chẩn đoán, tiên lượng, xử trí thành thạo những vấn đề thông thường như đề đường dưới không can thiệp, bệnh phụ khoa thông thường, sơ sinh.

7.68 Hệ sinh dục, thai nghén và sinh đẻ thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Hệ sinh dục, sinh sản và thai nghén thực hành cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ quan sinh dục nam và nữ, sản phụ khoa cơ sở, sản thường và sản bệnh lý, đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám thông qua thực tập nhóm và thực hành trên mô hình. Từ đó, sinh viên có khả năng phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn.

7.69 Sơ sinh, trẻ em và vị thành niên (3 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức các vấn đề nhi khoa, bao gồm các nội dung chính như sau: Đánh giá sự phát triển thể chất, tâm thần – vận động qua các thời kỳ sơ sinh, trẻ em và vị thành niên. Nắm vững kiến thức về chăm sóc và phân loại trẻ sơ sinh. Chẩn đoán và xử trí sơ bộ một số bệnh lý thường gặp ở trẻ sơ sinh như vàng da, nhiễm trùng, suy hô hấp sơ sinh. Chẩn đoán và xử trí sơ bộ được một số bệnh phổ biến ở trẻ em theo từng cơ quan: tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, xương khớp, thần kinh, nhiễm, thận, huyết học, nội tiết, cấp cứu – hồi sức... Nắm vững kiến thức về sức khỏe, tâm lý, và các hành vi xã hội của lứa tuổi vị thành niên.

7.70 Sơ sinh, trẻ em và vị thành niên thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên thực tập lâm sàng tại bệnh viện gồm các nội dung chính sau: Khám hệ thống, toàn diện và phân loại trẻ sơ sinh, chăm sóc trẻ sơ sinh (tắm bé, chăm sóc rốn,...). Xác định được bệnh nhi có dấu hiệu cần nhập cấp cứu và nêu hướng xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu: ngưng tim ngưng thở, suy hô hấp, co giật trẻ em,... Ứng dụng IMCI vào sàng lọc bệnh. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng – chỉ số nhân trắc, chế độ dinh dưỡng và tư vấn chủng ngừa theo lứa tuổi. Đánh giá sự phát triển tâm thần – vận động theo tuổi. Hoàn thiện bệnh án nhi khoa.

7.71 Truyền nhiễm (2 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm các triệu chứng lâm sàng thể điển hình của các bệnh truyền nhiễm thông thường và các thể lâm sàng, biến chứng của bệnh, các xét nghiệm để xác định chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp, thể điển hình. Giới thiệu các biện pháp phòng một số bệnh truyền nhiễm phổ biến. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng

7.72 Truyền nhiễm thực hành (1 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm các triệu chứng lâm sàng thể điển hình của các bệnh truyền nhiễm thông thường và các thể lâm sàng, biến chứng của bệnh, các xét nghiệm để xác định chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp, thể điển hình. Giới thiệu các biện pháp phòng một số bệnh truyền nhiễm phổ biến. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng

7.73 Lao (2 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm tình hình bệnh lao hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới. Các triệu chứng lâm sàng nghi lao, nguyên tắc và phác đồ điều trị lao trong chương trình chống lao Quốc gia. Sự ảnh hưởng của bệnh lao trong cộng đồng, các biện pháp phòng ngừa lao, chẩn đoán một số thể lao điển hình thường gặp. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

7.74 Da liễu (2 tín chỉ)

Nội dung: Môn học Da liễu sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý trong da liễu. Biết cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh đã gặp. Sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức kỹ năng về điều trị, chăm sóc và làm các thủ thuật một số bệnh lý thường gặp.

7.75 Thần kinh (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Thần kinh cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cấu trúc, chức năng của hệ thần kinh; các bệnh lý liên quan hệ thần kinh; các biểu hiện lâm



sàng và cận lâm sàng bệnh lý thần kinh; hướng tiếp cận điều trị, tiên lượng bệnh nhân thần kinh. Kết thúc học phần, sinh viên có thể áp dụng tất cả các kiến thức trên để tiếp cận, thăm khám, điều trị cũng như đưa ra những biện pháp dự phòng và tiên lượng cho những bệnh nhân thần kinh.

7.76 Tâm thần (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tâm thần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tâm thần học và tâm lý y học; các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế; các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng bệnh lý tâm thần; hướng tiếp cận điều trị, tiên lượng bệnh nhân tâm thần. Kết thúc học phần, sinh viên có thể áp dụng tất cả các kiến thức trên để tiếp cận, thăm khám, điều trị cũng như đưa ra những biện pháp dự phòng và tiên lượng cho những bệnh nhân tâm thần.

7.77 Nhãn khoa (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần chuyên khoa này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý thường gặp trong nhãn khoa. Biết cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh đã gặp. Sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức kỹ năng về điều trị, chăm sóc và làm các thủ thuật một số bệnh lý thường gặp.

7.78 Tai mũi họng (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần chuyên khoa này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng. Biết cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh đã gặp. Sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức kỹ năng về điều trị, chăm sóc và làm các thủ thuật một số bệnh lý thường gặp.

7.79 Răng hàm mặt (2 tín chỉ)



Nội dung: Gồm các đặc điểm hình thái và mối quan hệ chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn). Thực trạng và định hướng giải quyết các vấn đề răng miệng ở Việt Nam. Nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng miệng phổ biến. Đặc điểm chủ yếu của các nhiễm trùng Răng hàm mặt. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.

7.80 Ung thư (2 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm các kiến thức cơ bản, đại cương về ung thư. Chẩn đoán sơ bộ một số bệnh ung thư thường gặp ở Việt Nam. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

7.81 Phục hồi chức năng (2 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung bao gồm quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật; các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong phục hồi chức năng: vận động điều trị, giao tiếp, sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng. Sinh viên được học khám chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

7.82 Gây mê hồi sức (2 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên được hiểu đại cương vô cảm. Biết các phương pháp vô cảm (gây mê, gây tê, sự kết hợp giữa gây mê và gây tê). Biết cách khám tiền mê, cách chọn phương pháp vô cảm. Đặc biệt, sinh viên biết cách đánh giá đường thở và các nguy cơ trong kiểm soát đường thở. Biết các tai biến biến chứng trong và sau mổ. Biết cách tổ chức (nhân sự, trang thiết bị, phòng ốc) cho một khu gây mê hồi sức. Từ các trải nghiệm trên, sinh viên có được thái độ quan tâm đến người bệnh, biết lắng nghe và chia sẻ với người bệnh.

7.83 Y học cổ truyền (2 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm những điểm cơ bản và các phương pháp chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền. Kết hợp y học hiện đại và Y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị

một số bệnh thông thường. Các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, thủy châm để điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng. Sinh viên được học khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

7.84 Chẩn đoán hình ảnh (2 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm những kiến thức về sự hoạt động của các phương tiện chẩn đoán, ưu và khuyết của từng loại phương tiện chẩn đoán. Chỉ định và chống chỉ định của từng loại phương tiện. Các triệu chứng hình ảnh tới các hội chứng hình ảnh của từng bệnh. Chẩn đoán bệnh trên hình ảnh.

7.85 Pháp y (1 tín chỉ)

Nội dung: Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về y pháp (tử thi học, thương tích học, ngạt, tai nạn, nhiễm độc, y pháp tình dục, phá thai...).

7.86 Lão khoa và bệnh tật nguyên (2 tín chỉ)

Nội dung: Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lão khoa, cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh trên người cao tuổi thường gặp.

7.87 Hồi sức cấp cứu (2 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức hồi sức cấp cứu cơ bản bao gồm kiến thức về cách tiếp cận, nhận biết một bệnh nhân cần cấp cứu, kiến thức về cách xử trí cấp cứu trong một số tình huống thường gặp, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh nặng tài khoa Hồi sức cũng trau dồi kỹ năng về những kỹ thuật cấp cứu cơ bản.

7.88 Nội khoa 1 (2 tín chỉ)

Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm có cá thể gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt các bệnh lý nội khoa. Nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý nội khoa. Sinh viên được học khám chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

7.89 Nội khoa 1 thực hành (6 tín chỉ)



Nội dung: Là chương trình thực hành được giảng dạy tại bệnh viện. Nội dung gồm có cá thể gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt các bệnh lý nội khoa. Nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý nội khoa. Sinh viên được học khám chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại các khoa phòng.

7.90 Nội khoa 2 (2 tín chỉ)

Nội dung: Nội dung gồm các cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý nội khoa. Nội dung môn học nội bệnh lý gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, cơ – xương khớp, tiết niệu, nội tiết.

7.91 Nội khoa 2 thực hành (6 tín chỉ)

Nội dung: Kỹ năng hỏi, khám và chẩn đoán bệnh, thực hiện được điều trị các bệnh lý chuyên khoa: hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, cơ – xương khớp, tiết niệu, nội tiết.

7.92 Ngoại khoa 1 (2 tín chỉ)

Nội dung: Là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp chẩn đoán, điều trị, xử trí và dự phòng các bệnh lý ngoại khoa thường gặp, làm cơ sở cho việc học tập, phát triển sâu về chuyên ngành ngoại sau này. Tham gia một phần trong quá trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật. Nội dung của môn ngoại bệnh lý 1 gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: thần kinh, tiêu hóa, gan mật tụy, chấn thương chỉnh hình, tiết niệu.

7.93 Ngoại khoa 1 thực hành (6 tín chỉ)

Nội dung: Là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp chẩn đoán, điều trị, xử trí và dự phòng các bệnh lý ngoại khoa thường gặp, làm cơ sở cho việc học tập, phát triển sâu về chuyên ngành ngoại sau này. Tham gia một phần trong quá trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật. Nội dung của môn ngoại bệnh lý

1 gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: thần kinh, tiêu hóa, gan mật tụy, chấn thương chỉnh hình, tiết niệu.

7.94 Ngoại khoa 2 (2 tín chỉ)

Nội dung: Là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp chẩn đoán, điều trị, xử trí và dự phòng các bệnh lý ngoại khoa thường gặp, làm cơ sở cho việc học tập, phát triển sâu về chuyên ngành ngoại sau này. Tham gia một phần trong quá trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật. Nội dung của môn ngoại bệnh lý 1 gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: thần kinh, tiêu hóa, gan mật tụy, chấn thương chỉnh hình, tiết niệu.

7.95 Ngoại khoa 2 thực hành (6 tín chỉ)

Nội dung: Là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp chẩn đoán, điều trị, xử trí và dự phòng các bệnh lý ngoại khoa thường gặp, làm cơ sở cho việc học tập, phát triển sâu về chuyên ngành ngoại sau này. Tham gia một phần trong quá trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật. Nội dung của môn ngoại bệnh lý 1 gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: thần kinh, tiêu hóa, gan mật tụy, chấn thương chỉnh hình, tiết niệu.

7.96 Sản 1 (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Sản phụ khoa 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sản phụ khoa cơ sở, sản thường và sản bệnh lý. Từ đó, sinh viên có khả năng phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn. Ngoài ra sinh viên có khả năng thăm khám, chẩn đoán, tiên lượng, xử trí thành thạo những vấn đề thông thường như đẻ đường dưới không can thiệp, bệnh phụ khoa thông thường, sơ sinh.

7.97 Sản 1 thực hành (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Sản phụ khoa 1 thực hành cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sản phụ khoa cơ sở, sản thường và sản bệnh lý. Từ đó, sinh viên có khả

năng phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn. Ngoài ra sinh viên có khả năng thăm khám, chẩn đoán, tiên lượng, xử trí thành thạo những vấn đề thông thường như đẻ đường dưới không can thiệp, bệnh phụ khoa thông thường, sơ sinh.

7.98 Sản 2 (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Sản phụ khoa 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sản phụ khoa cơ sở, sản thường và sản bệnh lý, phụ khoa bệnh lý và chương trình tầm soát các bệnh lý ung thư phụ khoa. Từ đó, sinh viên có khả năng phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn. Ngoài ra sinh viên có khả năng thăm khám, chẩn đoán, tiên lượng, xử trí thành thạo những vấn đề thông thường như sinh đường dưới không can thiệp, bệnh phụ khoa thông thường, sơ sinh.

7.99 Sản 2 thực hành (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Sản phụ khoa 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sản phụ khoa cơ sở, sản thường và sản bệnh lý, phụ khoa bệnh lý và chương trình tầm soát các bệnh lý ung thư phụ khoa. Từ đó, sinh viên có khả năng phát hiện sớm những trường hợp cấp cứu, những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn. Ngoài ra sinh viên có khả năng thăm khám, chẩn đoán, tiên lượng, xử trí thành thạo những vấn đề thông thường như sinh đường dưới không can thiệp, bệnh phụ khoa thông thường, sơ sinh.

7.100 Nhi 1 (2 tín chỉ)

Nội dung: Môn học Nhi 1 cung cấp tri thức về các bệnh tật phổ biến ở trẻ em Việt Nam, bao gồm các kiến thức cơ bản về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và chẩn đoán bệnh. Chẩn đoán và xử trí các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em, các cấp cứu nhi khoa, tư vấn giáo dục sức khỏe và chăm sóc trẻ.

7.101 Nhi 1 thực hành (4 tín chỉ)

Nội dung: Môn học Nhi 1 thực hành cung cấp tri thức và kỹ năng lâm sàng về các bệnh tật phổ biến ở trẻ em Việt Nam, bao gồm các kiến thức cơ bản về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và chẩn đoán bệnh. Chẩn đoán và xử trí các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em, các cấp cứu nhi khoa, tư vấn giáo dục sức khỏe và chăm sóc trẻ.

7.102 Nhi 2 (2 tín chỉ)

Nội dung: Môn học Nhi 2 cung cấp kiến thức về các bệnh lý thường gặp ở trẻ em. Bên cạnh triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, môn học sẽ đi sâu chẩn đoán và xử trí bệnh, các cấp cứu nhi khoa, tư vấn giáo dục sức khỏe và chăm sóc trẻ.

7.103 Nhi 2 thực hành (6 tín chỉ)

Nội dung: Môn học Nhi 2 thực hành cung cấp kiến thức và kỹ năng lâm sàng về các bệnh lý thường gặp ở trẻ em. Bên cạnh thăm khám bệnh, phân tích cận lâm sàng, môn học giúp sinh viên chẩn đoán xác định, điều trị bệnh các chuyên khoa: sơ sinh, nhiễm, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, huyết học, thận, xử trí các cấp cứu nhi khoa, thực hiện tư vấn chăm sóc trẻ.

7.104 Phẫu thuật thực hành (2 tín chỉ)

Nội dung: Sau khi học xong học phần Phẫu thuật thực hành, sinh viên có khả năng áp dụng các nguyên tắc vô khuẩn, thực hiện đúng những kỹ năng phẫu thuật cơ bản trong thực hành thủ thuật liên quan đến chuyên ngành ngoại khoa tại tuyến huyện. Nhận ra tầm quan trọng của phòng chống nhiễm khuẩn và thực hành đúng kỹ thuật phẫu thuật cơ bản trong thực hành ngoại khoa. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật.

7.105 Thực tập cộng đồng (2 tín chỉ)

Nội dung: Đây là chương trình thực hành được thực hiện tại một số cơ sở y tế như trung tâm y tế, bệnh viện huyện. Sinh viên được thực hành khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh thông thường với sự giám sát và hỗ trợ của các bác sĩ bệnh viện và các giảng viên.

7.106 Quản lý Tài chính và Kinh tế Y tế (2 tín chỉ)

Nội dung: Gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế học để phân tích và giải thích hành vi sử dụng, cung cấp dịch vụ y tế; các vấn đề thực tiễn liên quan đến các



nguồn tài chính y tế, phương thức chi trả, bức tranh tổng thể về mô hình tài chính y tế Việt Nam, những khó khăn và phương pháp quản lý tài chính y tế, để ứng dụng trong đánh giá các can thiệp y tế, cung cấp bằng chứng khoa học trong xây dựng các chính sách quản lý y tế, quản lý kinh tế ngành và xây dựng hệ thống y tế công bằng, hiệu quả

7.107 Quản lý dự án (2 tín chỉ)

Nội dung: Môn học Quản lý dự án cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến xây dựng dự án; Tổ chức và quản lý thực hiện dự án; theo dõi, đánh giá các hoạt động và đầu ra của dự án. Các kiến thức và kỹ năng này giúp sinh viên thực hiện được các năng lực (competences) sau khi tốt nghiệp.

7.108 Công nghệ tế bào gốc (2 tín chỉ)

Nội dung: Đây là học phần tự chọn, nội dung bao gồm khái niệm về tế bào gốc, phân loại và ứng dụng tế bào gốc trong y khoa; các kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu và ứng dụng tế bào gốc.

7.109 Y học hạt nhân (2 tín chỉ)

Nội dung: Đây là học phần tự chọn, nội dung gồm các nguyên lý và ưu điểm của một số phương pháp chẩn đoán y học hạt nhân in vitro như IRMA, RIA và ứng dụng. Cơ chế, nguyên lý và ưu điểm chẩn đoán y học hạt nhân in vitro thường dùng. Sử dụng các kỹ thuật y học hạt nhân thích hợp trong công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành của mình. Cơ chế, nguyên lý và ưu nhược điểm một số phương pháp điều trị phổ biến bằng y học hạt nhân. Nguyên lý, cơ chế, các biện pháp kiểm soát và an toàn bức xạ.

7.110 Kỹ năng y khoa (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết một số kỹ năng y khoa cơ bản như: kỹ năng viết bệnh án, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám, kỹ thuật thực hiện thủ thuật y khoa thường gặp để chuẩn bị cho sinh viên đi thực hành lâm sàng thực tế tại bệnh viện.

7.111 Kỹ năng y khoa thực hành (2 tín chỉ)



Nội dung: Học phần còn tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội thực hiện kỹ năng giao tiếp, thăm khám, thủ thuật đã học trên bệnh nhân thật và làm quen bước đầu với môi trường học tập thực tế tại bệnh viện.

7.112 Thi tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Nội dung: Sinh viên sẽ được thực hành làm khóa luận nghiên cứu khoa học tại bệnh viện và viện nghiên cứu để biết được cấu trúc của một đề tài nghiên cứu sức khỏe, đầu ra của vấn đề sức khỏe.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đối sánh chương trình đào tạo đã tham khảo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Y dược TP.HCM	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	247 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	200 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	192 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	Khối lượng tín chỉ của ĐH NTT cao hơn
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	103 môn (bao gồm cả tự chọn)/247 tín chỉ	62 môn/ 200 tín chỉ	63 môn/ 192 tín chỉ	Số lượng môn học của ĐH NTT cao hơn
Đại cương	5 môn/ 13 tín chỉ	5 môn/ 11 tín chỉ	5 môn/ 11 tín chỉ	Số tín chỉ của các môn học đại cương là tương đương nhau (Theo quy định chung)
Khoa học cơ bản	12 môn/ 31 tín chỉ	10 môn/ 31 tín chỉ	8 môn/ 20 tín chỉ	Số tín chỉ của ĐH NTT và ĐH Y dược TP.HCM là tương đương → 2 trường rất chú trọng đến kiến thức nền tảng khoa học cơ bản cho SV
Cơ sở ngành	46 môn/ 87 tín chỉ	16 môn/ 44 tín chỉ	16 môn/ 39 tín chỉ	Số tín chỉ của ĐH NTT cao

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Y dược TP.HCM	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
				gấp đôi các trường khác → ĐH NTT rất chú trọng đến kiến thức nền tảng của y học, giúp SV có kiến thức cơ bản vững chắc
Chuyên ngành/ cốt lõi ngành/ chuyên sâu (bao gồm Thực tập và trải nghiệm)	40 môn/ 109 tín chỉ	30 môn/ 101 tín chỉ	33 môn/ 80 tín chỉ	ĐH NTT có ít môn nhưng số tín chỉ cao hơn vì nhà trường chú trọng quá trình thực tập bệnh viện → SV sẽ được rèn luyện nhiều hơn trong môi trường thực tế
Tốt nghiệp	Thi TN hoặc KLTN/ 7 TC	Thi TN hoặc KLTN/13 TC	Thi TN hoặc KLTN/ 10 TC	Số tín chỉ của kết quả thi TN hoặc KLTN của ĐH NTT thấp hơn là do ĐH NTT chú trọng quá trình học tập trong suốt 6 năm học hơn là kết

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Y dược TP.HCM	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
Phương pháp giảng dạy/ học tập	Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng	– Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng – Áp dụng phương pháp thảo luận dựa trên vấn đề hoặc ca bệnh (PBL – Problem based learning)	Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng	Có sự tương đồng và theo đặc thù riêng của từng trường
Phương pháp đánh giá	Đánh giá quá trình học thông qua sự chuyên cần tại trường và bệnh viện. Đánh giá kết thúc khóa học bằng nhiều hình thức: Tự luận, test, PBL, thực	Đánh giá quá trình học thông qua sự chuyên cần tại trường và bệnh viện. Đánh giá kết thúc khóa học bằng nhiều hình thức: Tự luận, test, PBL, thực tập tại	Đánh giá quá trình học thông qua sự chuyên cần tại trường và bệnh viện. Đánh giá kết thúc khóa học bằng nhiều	Đa số các trường đều kết hợp nhiều hình thức thi để phù hợp với đặc điểm từng môn học

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Y dược TP.HCM	CTĐT ngành Y khoa của Trường ĐH Quốc gia TP.HCM	Nhận xét
	tập tại labo, thi chạy trạm skill và thực tập bệnh viện (khám bệnh, vấn đáp và bệnh án)	Labo, thi chạy trạm skill và thực tập bệnh viện (khám bệnh, vấn đáp và bệnh án)	hình thức: Tự luận, test, PBL, thực tập tại Labo, thi chạy trạm skill và thực tập bệnh viện (khám bệnh, vấn đáp và bệnh án)	
Các đối sánh khác	Không	Không	Không	

2. Đối sánh chương trình đào tạo với các khóa trước

Nội dung đối sánh	Khóa 2020	Khóa 2021	Khóa 2022	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	242 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	242 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	245 tín chỉ (Không tính số tín chỉ GDTC và GDQP)	Số tín chỉ tăng lên do có thêm một số môn học mới (Pháp luật đại cương, Tiếng anh chuyên ngành, Nhập môn Internet và Elearning...)
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	78 môn (bao gồm cả tự chọn)/ 242 tín chỉ	78 môn (bao gồm cả tự chọn)/242 tín chỉ	103 môn (bao gồm cả tự chọn)/ 247 tín chỉ	Có thêm một số môn mới nhằm hỗ trợ SV về pháp luật, ngoại ngữ, kỹ năng mềm: internet, elearning, tâm lý và đạo đức y học
Đại cương	5 môn/ 11 tín chỉ	5 môn/ 11 tín chỉ	5 môn/ 13 tín chỉ	Thêm môn pháp luật đại cương
Khoa học cơ bản	12 môn/ 27 tín chỉ	11 môn/ 27 tín chỉ	12 môn/ 31 tín chỉ	Nâng cao trình độ ngoại ngữ, internet và học trực tuyến...
Cơ sở ngành	35 môn/ 91 tín chỉ	35 môn/ 91 tín chỉ	46 môn/ 87 tín chỉ	Tương đương
Chuyên ngành/ cốt lõi	26 môn/ 105 tín chỉ	26 môn/ 105 tín chỉ	40 môn/ 109 tín chỉ	Tăng số tín chỉ nhằm giúp

Nội dung đối sánh	Khóa 2020	Khóa 2021	Khóa 2022	Nhận xét
ngành/ chuyên sâu (bao gồm Thực tập và trải nghiệm)				SV được đi thực tập bệnh viện nhiều hơn để nâng cao trình độ
Tốt nghiệp	Thi TN hoặc Khóa luận TN/ 8 tín chỉ	Thi TN hoặc Khóa luận TN/ 8 tín chỉ	Thi TN hoặc Khóa luận TN/ 7 tín chỉ	Tương đương
Phương pháp giảng dạy/học tập	Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng	Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng	Giảng dạy theo module tích hợp và lồng ghép kiến thức: Lý thuyết, kỹ năng y khoa, thực hành tiền lâm sàng, thực tập lâm sàng	Phương pháp giảng dạy về hình thức thì không thay đổi tuy nhiên có sự thay đổi về chất lượng giảng dạy (đội ngũ giảng viên trưởng thành hơn) và tập trung kiến thức vào các vấn đề y học thường gặp. Các vấn đề hiếm gặp sẽ hướng dẫn SV tìm tài liệu tự học)
Phương pháp đánh giá	Đánh giá quá trình học thông qua sự chuyên cần tại trường và bệnh viện. Đánh giá kết thúc khóa học bằng nhiều hình thức: Tự luận, test, PBL, thực	Đánh giá quá trình học thông qua sự chuyên cần tại trường và bệnh viện. Đánh giá kết thúc khóa học bằng nhiều hình thức: Tự luận, test, PBL, thực	Đánh giá quá trình học thông qua sự chuyên cần tại trường và bệnh viện. Đánh giá kết thúc khóa học bằng nhiều	Phương pháp đánh giá không thay đổi nhưng có sự chuẩn hóa về đề th, các câu hỏi được đặt sát với nội dung học và có lồng ghép những câu hỏi khó để phân loại sinh

Nội dung đối sánh	Khóa 2020	Khóa 2021	Khóa 2022	Nhận xét
	tập tại Labo, thi chạy trạm skill và thực tập bệnh viện (khám bệnh, vấn đáp và bệnh án)	Labo, thi chạy trạm skill và thực tập bệnh viện (khám bệnh, vấn đáp và bệnh án)	hình thức: Tự luận, test, PBL, thực tập tại Labo, thi chạy trạm skill và thực tập bệnh viện (khám bệnh, vấn đáp và bệnh án)	viên. Quy chế đánh giá quá trình học tập và nội quy thực tập bệnh viện cũng đã được chuẩn hóa và phổ biến trước khi SV đi thực tập
Các đối sánh khác (nếu có)	Không	Không	Không	

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Hoạt động dạy – học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Y khoa nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và các mức tự chủ và trách nhiệm.

Tùy từng môn học mà giảng viên sẽ lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc trưng của môn học.

Các môn học lý thuyết thì giảng viên chủ yếu lựa chọn hình thức thuyết trình (giảng giải, giảng thuật, diễn giảng).

- Các môn kiến thức cơ sở ngành có thực tập trong phòng thí nghiệm (Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, ký sinh trùng,...) giảng viên sẽ dùng phương pháp diễn trình (sử dụng các mô hình để dạy học).
- Đối với các môn thuộc module (tim mạch, hô hấp, tiêu hóa...) có phần học skill trong phòng skill-lab thì giảng viên lựa chọn phương pháp dạy thực hành: giảng viên làm mẫu kỹ thuật trên mô hình rồi sau đó cho sinh viên thực tập các kỹ thuật đó cho thành thạo.
- Khi đi thực tập bệnh viện, giảng viên áp dụng hình thức giải thích cụ thể để sinh viên có thể hiểu được.
- Khi sinh viên học đến các năm thứ 4 đến năm thứ 6 thì giảng viên sẽ thực hiện hình thức dạy học gián tiếp: đưa ra các câu hỏi tình huống để sinh viên tự lập luận và giải quyết vấn đề.
- Trong các buổi học PBL thì giảng viên sẽ chỉ giữ vai trò quan sát viên để sinh viên tự hoạt động để rèn luyện kỹ năng trao đổi thông tin, tranh luận, phản biện, làm việc nhóm....
- Sinh viên được tham gia trải nghiệm môi trường bệnh viện từ năm thứ 2 sẽ góp phần nâng cao chất lượng cho sinh viên khi ra trường.
- Giảng viên giao chỉ tiêu thực hành bệnh viện để sinh viên chủ động lên kế hoạch học tập cho phù hợp và đáp ứng được tiêu chí giảng viên đưa ra.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

– Đánh giá tiến trình

- + Đánh giá chuyên cần: điểm danh sinh viên trong quá trình học tại trường cũng như tại các cơ sở thực hành (Thông báo cho sinh viên biết trước nội quy học tập).
- + Đánh giá bài tập: khi đi thực tập bệnh viện sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng do khoa đề ra, nộp các bệnh án mà giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện...
- + Đánh giá thuyết trình: Trong các buổi PBL giảng viên sẽ quan sát sinh viên làm việc nhóm, thảo luận, tranh luận,... sau đó đưa ra nhận xét về quá trình làm việc của sinh viên.

– Đánh giá tổng kết/ định kỳ:

- + Thi kết thúc môn học: tự luận hoặc test trắc nghiệm.
- + Các môn thực hành tại phòng xét nghiệm, skill lab sẽ tổ chức thi thực hành trên mô hình.
- + Các môn thực tập tại bệnh viện thi kết thúc với 3 hình thức thi: khám bệnh, vấn đáp và bệnh án.

3. Một số hướng dẫn khác

a. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi PBL, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

b. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi PBL.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lê Thị Kim Nhung

Đặt với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho

phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi đăng ký để biết được

giới hạn.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian làm tập để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng

viên.

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu đồng thời chủ động tham gia học

tập theo nhóm được phân công.

- Làm các bài tập các bài nghiên cứu trong và ngoài giờ theo yêu cầu của giảng viên

phục vụ cho việc tự học và nghiên cứu và làm bài tập về nhà.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi các môn học và đánh giá.

TRƯỜNG KHOA
ĐẠI HỌC

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC



TS. Nguyễn Văn Tuấn

TS. Nguyễn Văn Tuấn